

Đồng Nai, ngày 11 tháng 7 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội
Chi nhánh Đồng Nai

Thực hiện Quyết định thanh tra số 06/QĐ-ĐNA.TTGS ngày 20/3/2024 của Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai về việc tiến hành thanh tra Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội Chi nhánh Đồng Nai (SHB Đồng Nai).

Xét báo cáo kết quả thanh tra SHB Đồng Nai ngày 06/6/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai kết luận thanh tra như sau:

PHẦN I
KHÁI QUÁT CHUNG

1. Quá trình thành lập và hoạt động

Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội Chi nhánh Đồng Nai được thành lập theo Quyết định số 7712/NHNN-CNH ngày 22/08/2008 của NHNN; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 4713000516 do phòng ĐKKD Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16/09/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 3 số 1800278630-014 ngày 22/06/2011. Người đại diện chi nhánh: Ông Trần Quốc Toàn - Giám đốc Chi nhánh được bổ nhiệm theo Quyết định số 123/QĐ-HĐQT ngày 08/05/2023 của Hội đồng quản trị SHB.

Cơ cấu tổ chức bộ máy của chi nhánh bao gồm:

- Ban Giám đốc.
- Các phòng chuyên môn, bộ phận chức năng tại Chi nhánh bao gồm 7 phòng: Phòng Dịch vụ khách hàng; Phòng Khách hàng cá nhân; Phòng Khách hàng doanh nghiệp; Phòng Thẩm định; Phòng Hỗ trợ tín dụng; Phòng Ngân quỹ; Phòng Hành chính tổng hợp.
- Phòng ban trực thuộc Hội sở SHB quản lý:
 - + Phòng Kiểm toán nội bộ;
 - + Phòng Xử lý nợ;
 - + Phòng Thẩm định tài sản khu vực miền Nam.
- **Phòng Giao dịch trực thuộc: Gồm 8 Phòng giao dịch trực thuộc, bao gồm:**
 - + PGD Long Thành: Số 297, tổ 7, đường Lê Duẩn, Khu Phước Hải, Thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
 - + PGD Trảng Bom: Số 2424, Quốc lộ 1A, Khu 3, ấp Thanh Hóa, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.



+ PGD Hồ Nai: Số 174-176, Quốc lộ 1A, KP1, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

+ PGD Tam Hiệp: Số 276, đường Phạm Văn Thuận, KP4, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

+ PGD Long Bình Tân: Số 146, đường Bùi Văn Hòa, KP11, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

+ PGD Đồng Khởi: Số 93/48/1B, đường Đồng Khởi, KP8, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

+ PGD Biên Hòa: Số 15 - 17, đường 30/04, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

+ PGD Gia Kiệm: 1/5B QL.20, ấp Tây Kim, xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Số lao động đang làm việc tại Chi nhánh là 146 người (không bao gồm 05 nhân sự tại phòng ban trực thuộc Hội sở SHB quản lý), trong đó: trên Đại học 5 người, Đại học 127 người, Cao đẳng 7 người, Trung cấp 7 người.

2. Tình hình hoạt động của Chi nhánh (thời điểm 31/12/2023):

2.1. Về huy động vốn: Đến 31/12/2023, số dư huy động vốn của Chi nhánh đạt 10.847.340 triệu đồng, tăng 3,03% so với thời điểm 31/12/2022, tăng 11,89% so với thời điểm 31/12/2021. Trong đó huy động từ thị trường 1 là 10.847.327 triệu đồng. Cụ thể:

- Phân theo loại tiền: tiền gửi bằng VNĐ 10.743.199 triệu đồng, tiền gửi bằng ngoại tệ 104.128 triệu đồng.

- Phân theo kỳ hạn: tiền gửi không kỳ hạn 976.950 triệu đồng, tiền gửi có kỳ hạn 9.870.377 triệu đồng.

2.2. Hoạt động cho vay:

- Đến 31/12/2023, tổng dư nợ cho vay của Chi nhánh đạt 5.385.078 triệu đồng, giảm 14,8% so với thời điểm 31/12/2022 và giảm 19,9% so với thời điểm 31/12/2021. Trong đó:

+ Dư nợ ngắn hạn 3.001.440 triệu đồng, chiếm 55,7% tổng dư nợ; Dư nợ trung, dài hạn 2.383.638 triệu đồng, chiếm 44,3% tổng dư nợ.

+ Nợ quá hạn tại Chi nhánh là 278.027 triệu đồng, chiếm 5,2% tổng dư nợ.

+ Nợ nhóm 2 tại thời điểm 31/12/2023 là 117.338 triệu đồng, chiếm 2,2% tổng dư nợ, giảm 2,7% so với thời điểm 31/12/2022 và tăng 1,6% so với thời điểm 31/12/2021 (Nợ nhóm 2 theo CIC 202.060 triệu đồng, chiếm 3,75% tổng dư nợ).

+ Nợ xấu (nhóm 3-5) tại thời điểm 31/12/2023 là 160.689 triệu đồng, chiếm 3,0%/tổng dư nợ, tăng 1,3% so với thời điểm 31/12/2022 và tăng 2,2% so với thời điểm 31/12/2021 (nợ xấu tại Chi nhánh theo CIC tại thời điểm 31/12/2023 là 201.044 triệu đồng, chiếm 3,73% tổng dư nợ)

- **Kết quả kinh doanh:** Năm 2023 lợi nhuận trước thuế của Chi nhánh đạt 248.593 triệu đồng năm 2022 đạt 268.121 triệu đồng và năm 2021 đạt 200.000 triệu đồng.

2.3. Kết quả thực hiện tăng trưởng tín dụng được giao:

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH
Năm 2020	4.959	5.106	102,96%
Năm 2021	5.542	6.727	121,38%
Năm 2022	7.142	6.321	88,5%
Năm 2023	6.616	5.385	81,39%

Về thực hiện tăng trưởng tín dụng do Hội sở giao cho Chi nhánh: Năm 2020, 2021 vượt kế hoạch tăng trưởng; năm 2022, năm 2023 kế hoạch chỉ đạt được trên 80% so với kế hoạch. Mức độ tập trung dư nợ của 10 khách hàng có dư nợ lớn nhất 599.604 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 11,1% tổng dư nợ của Chi nhánh, không có khách hàng phát sinh nợ xấu.

2.4. Kết quả thực hiện các biện pháp hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19: SHB Đồng Nai đã thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giảm lãi, phí giữ nguyên nhóm nợ để hỗ trợ các khách hàng gặp khó khăn do bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, cụ thể theo báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ cho khách hàng:

- Thời điểm năm 2020: Số dư nợ bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 là 134.739 triệu đồng, gồm 21 khách hàng; Số khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí giữ nguyên nhóm nợ là 21 khách hàng với dư nợ được cơ cấu gốc là 75.775 triệu đồng; lãi là 30 triệu đồng.

- Thời điểm năm 2021: Số dư nợ bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 là 804.027 triệu đồng, gồm 157 khách hàng; Số khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí giữ nguyên nhóm nợ là 157 khách hàng với dư nợ được cơ cấu gốc là 333.820 triệu đồng; lãi là 25.724 triệu đồng.

- Thời điểm năm 2022: Số dư nợ bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 là 35.793 triệu đồng, gồm 06 khách hàng; Số khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giảm lãi, phí giữ nguyên nhóm nợ 6 khách hàng với dư nợ được cơ cấu gốc là 15.873 triệu đồng; lãi là 0 triệu đồng.

- Thời điểm năm 2023: Số khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giảm lãi, phí giữ nguyên nhóm nợ là 0 khách hàng với dư nợ được cơ cấu gốc là 0 triệu đồng; lãi là 0 triệu đồng. Dư nợ còn lại đến thời điểm 31/12/2023 là 0 triệu đồng. Số DPRR cụ thể phải trích lập bổ sung là 23.660 triệu đồng.

2.5. Kết quả thực hiện các biện pháp hỗ trợ khách hàng theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN: số khách hàng được cơ cấu nợ theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN còn dư nợ là 38 khách hàng, dư nợ được cơ cấu là 259.607 triệu đồng.

PHẦN II

KẾT QUẢ KIỂM TRA XÁC MINH

I. Thanh tra hoạt động cấp tín dụng

1. Tình hình hoạt động cấp tín dụng đến thời điểm 31/12/2023

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2020	Thời điểm 31/12/2021	Thời điểm 31/12/2022	Thời điểm 31/12/2023	So sánh thời điểm 31/12/2023 với					
						31/12/2020		31/12/2021		31/12/2022	
						Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%
I	Dư nợ cho vay các TCKT và CN	5.106.499	6.726.203	6.321.973	5.385.078	278.579	5,5%	-1.341.125	-19,9%	-936,895	-14,8%
	Trong đó										
	- Nợ nhóm 1	4.681.188	6.634.223	5.905.105	5.107.051	425.863	9,1%	-1.527.172	-23,0%	-798,054	-13,5%
	- Nợ nhóm 2	376.323	37.006	308.4	117.338	258.985	-68,8%	80	217,1%	-191,062	-62,0%
	- Nợ xấu	48.988	54.974	108.468	160.689	111.701	228,0%	106	192,3%	52,221	48,1%
	+ Nhóm 3	6.655	24.485	12.781	26.713	20.058	301,4%	2	9,1%	13,932	109,0%
	+ Nhóm 4	8.602	9.576	28.156	42.238	33.636	391,0%	33	341,1%	14,082	50,0%
	+ Nhóm 5	33.731	20.913	67.531	91.738	58.007	172,0%	71	338,7%	24,207	35,8%
	- Tỷ lệ nợ nhóm 2 so với tổng dư nợ	7,4%	0,6%	4,9%	2,2%						
	- Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ	1,0%	0,8%	1,7%	3,0%						
II	Phân loại dư nợ cho vay các TCKT và cá nhân theo thành phần kinh tế	5.106.499	6.726.203	6.321.973	5.385.078	278.579	5,5%	-1.341.125	-19,9%	-936,895	-14,8%
1	Doanh nghiệp nhà nước	347.262	284.83	235.47	170.853	176.409	-50,8%	-114	-40,0%	-64,617	-27,4%
	Trong đó: nợ xấu	-	-	-	-			-	0,0%	-	0,0%
2	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	853.966	1.277.229	1.012.622	891.710	37.744	4,4%	-386	-30,2%	-120,912	-11,9%
	Trong đó: nợ xấu	20.145	6.006	50.707	61.701	41.556	206,3%	56	927,3%	10,994	21,7%
3	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	86	141.1	-	-			-141	-100,0%	-	0,0%
	Trong đó: nợ xấu	-	-	-	-			-	-	-	-
4	Tư nhân, cá thể	3.905.185	5.023.044	5.073.881	4.322.515	417.330	10,7%	-701	-13,9%	-751,366	-14,8%
	Trong đó: nợ xấu	28.843	48.968	57.761	98.988	70.145	243,2%	50	102,1%	41,227	71,4%
III	Phân loại dư nợ cho vay các TCKT và cá nhân theo loại cho vay	5.106.499	6.726.203	6.321.973	5.385.078	278.579	5,5%	-1.341.125	-19,9%	-936,895	-14,8%
1	Cho vay ngắn hạn	2.170.133	3.669.287	3.696.706	3.001.440	831.307	38,3%	-668	-18,2%	-695,266	-18,8%
	Trong đó: nợ xấu	6.610	6.901	31.504	61.639	55.029	832,5%	55	793,2%	30,135	95,7%
2	Cho vay trung hạn	691.999	664.384	590.151	658.055	-33.944	-4,9%	-6	-1,0%	67,904	11,5%
	Trong đó: nợ xấu	24.001	10.901	9.347	11.632	-12.369	-51,5%	731	6,7%	2,285	24,4%
3	Cho vay dài hạn	2.244.367	2.392.532	2.035.116	1.725.583	518.784	-23,1%	-667	-27,9%	-309,533	-15,2%
	Trong đó: nợ xấu	18.377	37.172	67.616	87.418	69.041	375,7%	50	135,2%	19,802	29,3%
4	Chiết khấu, tái chiết khấu GTCG	-	-	-	-			-	-	-	-
5	Cho thuê tài chính	-	-	-	-			-	-	-	-
IV	Phân loại dư nợ cho vay các	5.106.498	6.726.203	6.321.973	5.385.078	278.580	5,5%	-1.341.125	-19,9%	-936,895	-14,8%

	TCKT và cá nhân theo loại tiền cho vay										
1	Nội tệ (VND)	4.720.218	6.405.530	6.069.979	5.185.282	465.064	9,9%	-1.220.248	-19.0%	-884,697	-14.6%
	Trong đó: nợ xấu	47.309	53.322	106.761	158.921	111.612	235,9%	106	198.0%	52,16	48.9%
2	Ngoại tệ (Quy VND)	386.280	320.673	251.994	199.796	186.484	-48,3%	-121	-37.7%	-52,198	-20.7%
3	Vàng (Quy VND)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
V	Phân loại dư nợ cho vay các TCKT và cá nhân theo mục đích cho vay	5.106.499	6.726.203	6.321.973	5.385.078	278.579	5,5%	-1.341.125	-19.9%	-936,895	-14.8%
1	Cho vay BDS	1.819.596	2.220.500	2.084.278	1.752.986	-66.610	-3,7%	-468	-21.1%	-331,292	-15.9%
	Trong đó: nợ xấu	7.805	21.911	61.743	81.242	73.437	940,9%	59	270.8%	19,499	31.6%
2	Cho vay đầu tư, kinh doanh chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Cho vay tiêu dùng (LSTT)	393.825	327.993	318.619	301.860	-91.965	-23,4%	-26	-8.0%	-16,759	-5.3%
	Trong đó: nợ xấu	12.164	12.279	7.999	13.496	1.332	11,0%	1	9.9%	5,497	68.7%
4	Cho vay HTLS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trong đó: nợ xấu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Cho vay thương mại	2.680.231	3.981.279	3.656.916	3.138.818	458.587	17,1%	-842	-21.2%	-518,098	-14.2%
	Trong đó: nợ xấu	29.019	20.784	38.726	65.951	36.932	127,3%	45	217.3%	27,225	70.3%
6	Cho vay các đối tượng khác	212.847	196.431	262.16	191.414	-21.433	-10,1%	-5	-2.6%	-70,746	-27.0%
	Trong đó: nợ xấu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

2. Về các chính sách, quy định nội bộ liên quan đến hoạt động cấp tín dụng; phân loại nợ, trích lập, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng

SHB ban hành các chính sách, quy định nội bộ phục vụ cho hoạt động cấp tín dụng và các hoạt động khác có liên quan, đơn cử:

- **Quy chế cho vay, bảo lãnh:** Quy định cho vay số 305/2020/QĐ-HĐQT ngày 02/12/2020 và Quy chế cho vay số 286.1/2023/QĐ-HĐQT ngày 31/8/2023 của Hội đồng quản trị SHB; Quyết định số 1706.1/2023/QĐ-TGD ngày 05/9/2023 của Tổng Giám đốc Quy định chi tiết một số điều tại Quy chế cho vay của SHB; Quyết định số 95/2020/QĐ-HĐQT ngày 29/4/2020 và Quyết định số 99/2023/QĐ-HĐQT ngày 18/4/2023 của Hội đồng quản trị SHB quy định thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh; Quyết định số 2624/2018/QĐ-TGD ngày 25/9/2023 của Tổng Giám đốc Ban hành Quy trình cấp tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại SHB; Quyết định số 3200/2019/QĐ-TGD ngày 12/12/2019 của Tổng Giám đốc Ban hành Quy trình cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp tại SHB; Quyết định số 558/2018/QĐ-HĐQT ngày 28/12/2018 của Tổng Giám đốc về việc Ban hành Quy định về Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ tại SHB...

- **Bảo đảm tiền vay:** Quyết định số 416/2019/QĐ-HĐQT ngày 10/10/2019, Quyết định số 265/2021/QĐ-HĐQT ngày 09/9/2021 của HĐQT Ban hành quy định bảo đảm cấp tín dụng tại SHB.

- **Xử lý nợ:** Quyết định số 157/2019/QĐ-HĐQT ngày 12/6/2019 của HĐQT ban hành Quy định về quản lý và xử lý nợ có vấn đề của SHB, Quyết định số 142/2022/QĐ-HĐQT ngày 04/7/2022 của HĐQT Ban hành Quy định miễn, giảm lãi tiền vay, phí cho khách hàng tại SHB.

- **Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro:** Quyết định số 128/2019/QĐ-TGD ngày 28/01/2019 của Tổng Giám đốc Ban hành Quy trình phân loại tài sản có và trích lập dự phòng của SHB, Quyết định số 317/2021/QĐ-HĐQT ngày 20/10/2021 của HĐQT Ban hành Quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của SHB.

- **Cơ cấu nợ:** Quyết định số 02/2019/QĐ-TGD ngày 02/01/2019 của Tổng Giám đốc Ban hành Quy định cơ cấu lại thời hạn trả nợ tại SHB, Quyết định số 2458/2021/QĐ/BĐH-CSTD ngày 29/9/2021 của Phó Chủ tịch HĐQT Ban hành Quy định cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 tại SHB, Quyết định số 710.1/2023/QĐ-TGD ngày 05/5/2023 của Tổng Giám đốc Ban hành Quy định cơ cấu lại thời gian trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn tại SHB.

Nhận xét, đánh giá: Nhìn chung, hệ thống các chính sách, quy định nội bộ tại SHB đã đáp ứng được hầu hết các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động cấp tín dụng và được Chi nhánh đã triển khai để các phòng ban thực hiện.

3. Thanh tra việc chấp hành quy chế cho vay

Tiến hành kiểm tra chọn mẫu 95 hồ sơ khách hàng vay vốn với tổng dư nợ đến 31/12/2023 là 1.505.323 triệu đồng, chiếm 28% tổng dư nợ cho vay (*chi tiết tại biểu Phụ lục Danh sách khách hàng vay được thanh tra đính kèm*). Trong đó: (i) 55 khách hàng nợ nhóm 1 với tổng dư nợ kiểm tra là 1.199.935 triệu đồng, chiếm 24,1%/Tổng dư nợ nhóm 1; (ii) 13 khách hàng nợ nhóm 2 với tổng dư nợ kiểm tra là 127.806 triệu đồng, chiếm 63,3%/Tổng dư nợ nhóm 2; (iii) 27 khách hàng nợ xấu với tổng dư nợ kiểm tra là 177.582 triệu đồng, chiếm 88,3%/Tổng dư nợ xấu.

Qua kết quả kiểm tra SHB Đồng Nai có chấp hành quy chế cho vay và các quy định có liên quan đến hoạt động cấp tín dụng nhưng vẫn còn tồn tại, hạn chế, vi phạm (trong công tác thẩm định, xét duyệt cho vay; công tác thu thập hồ sơ vay vốn; công tác kiểm tra, giám sát vốn vay; công tác định giá tài sản, phân loại nợ....) đối với 64 hồ sơ khách hàng với tổng dư nợ có liên quan là 1.035.061 triệu đồng, chiếm 68% so với dư nợ cho vay được kiểm tra (*chi tiết tại Biểu 08-Tổng hợp vi phạm về hoạt động cho vay*). Cụ thể như sau:

3.1. Về công tác thẩm định, xét duyệt cho vay:

Công tác thẩm định, xét duyệt cho vay chưa chặt chẽ, chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với 38 khách hàng (55 HĐTD) với tổng dư nợ thời điểm 31/12/2023 là 453.885 triệu đồng. Cụ thể:

3.1.1. Đối với các khách hàng doanh nghiệp, gồm 10 khách hàng (11 HĐTD) với tổng dư nợ 117.467 triệu đồng:

(1) Công ty TNHH MTV Tân Phát Hoàng Minh, nợ nhóm 1, dư nợ 15.000 triệu đồng.

- Theo báo cáo thẩm định ngày 27/2/2023, Báo cáo tài chính nội bộ và báo cáo tài chính nộp thuế có sự chênh lệch số liệu như: theo báo cáo tài chính nội bộ doanh thu năm 2020 đạt 97.748 triệu đồng, năm 2021 đạt 30.617 triệu đồng, 9 tháng đầu năm 2022 đạt 24.643 triệu đồng; Theo báo cáo tài chính nộp thuế: doanh thu năm 2020 đạt 19.472 triệu đồng, năm 2021 đạt 554 triệu đồng, 9 tháng đầu năm 2022 đạt 14.178 triệu đồng nhưng SHB Đồng Nai chưa đánh giá nguyên nhân chênh lệch để xác định quy mô kinh doanh phù hợp thực tế làm cơ sở xét cấp tín dụng, nhận định được tính hợp lý giữa hồ sơ do khách hàng cung cấp và thực tế hoạt động kinh doanh của khách hàng.

- Một số chỉ tiêu tài chính như tiền mặt, hàng tồn kho, các khoản phải thu phải trả chưa được xác thực bởi các đối tác, tài liệu chứng minh chưa đầy đủ, tỷ suất lợi nhuận/doanh thu khá thấp so với lĩnh vực hoạt động của Công ty.

- Từ cơ sở chứng từ phòng khách hàng doanh nghiệp cung cấp Phòng Thẩm định đề nghị xem xét thận trọng đề xuất cấp tín dụng và kiến nghị các biện pháp quản lý, kiểm soát khi cấp tín dụng nhưng cấp phê duyệt đồng ý cho vay theo đề xuất của phòng KHDN và chưa yêu cầu biện pháp quản lý theo đề nghị của thẩm định.

(2) Công ty TNHH Phú Hùng Vương, nợ nhóm 2, dư nợ 13.000 triệu đồng.

- Ước tính doanh thu năm kế hoạch để làm cơ sở cấp hạn mức tín dụng là 120 tỷ đồng/năm tăng 3,45% so với năm 2022. Tuy nhiên kết quả kinh doanh 2 năm gần nhất doanh thu liên tục suy giảm qua mỗi năm. Tình hình kinh tế trong những tháng đầu năm 2023 có nhiều khó khăn và dự báo không có nhiều khởi sắc việc dự phóng tăng trưởng chưa đảm bảo tính khả thi. Việc xác định hạn mức cho vay chưa trừ khoản chiếm dụng khoản vay và vốn tự có để xác định mức cấp tín dụng phù hợp với hoạt động kinh doanh.

- Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại dịch vụ vật liệu xây dựng, xăng dầu nhưng vòng quay vốn lưu động khá chậm 220 ngày/tháng nhưng chưa đánh giá các điểm khác biệt/điểm mạnh/điểm yếu với các Công ty trong cùng ngành nghề, trong khi ngành nghề của khách hàng là xăng dầu, vật liệu xây dựng thường xuyên có sự thay đổi mức giá liên tục trong thời gian ngắn. Cơ cấu tài sản-nguồn vốn một số khoản mục phải thu, hàng tồn kho chiếm tỷ lệ khá lớn trong tổng nguồn vốn, tỷ suất lợi nhuận/doanh thu hàng năm ở mức thấp, số liệu về một số khoản mục chi tiết chưa có tài liệu xác minh xác thực của các đối tác như khoản phải thu, hàng tồn kho tại các địa điểm ký gửi. Công ty sử dụng vốn vay và chiếm dụng chiếm 80% tổng nguồn vốn, khả năng tự chủ về tính thanh khoản ở mức độ thấp.

- Tại thời điểm thẩm định và giải ngân khoản vay khách hàng phát sinh nợ nhóm 2 tại TCTD khác nhưng SHB vẫn xét duyệt giải ngân cho vay là chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 13 Quyết định số 3200/2019/QĐ-TGD ngày 12/12/2019 của Tổng Giám đốc.

- Theo báo cáo thẩm định ngày 12/5/2023, phòng thẩm định kiến nghị xem xét giảm hạn mức tín dụng còn 8.000 triệu đồng, giá trị TSDB chưa có cơ sở theo định giá, có sự khác biệt trong ý kiến đề xuất của phòng thẩm định và phòng KHDN nhưng cấp phê duyệt cho vay theo đề xuất của phòng KHDN.

(3) Công ty TNHH DT SX TM DV Nông nghiệp Cù Lao Xanh, nợ nhóm 5, dư nợ 26.500 triệu đồng.

- Thời điểm xét tái cấp khoản vay tình hình dịch bệnh covid diễn biến phức tạp, ngành nghề của khách hàng là kinh doanh nhà hàng và cho thuê tài sản chịu tác động trực tiếp bởi dịch bệnh nhưng dự phóng doanh thu năm kế hoạch là 40 tỷ đồng tăng 90% so với doanh thu năm trước và tập trung ở mảng kinh doanh gạo là ngành nghề mới tiếp cận của khách hàng là chưa phù hợp với tình hình kinh tế chung của thị trường và khả năng năng lực của Công ty.

- Tại thời điểm đề xuất cấp tín dụng một số lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của khách hàng khá mới như lĩnh vực trồng rau sạch, kinh doanh gạo nhưng chưa thẩm định được các rủi ro trong hoạt động khi đầu tư và chưa có cơ sở để ghi nhận doanh thu, chưa đánh giá biện pháp tìm kiếm đối tác, phát triển thị trường của 02 lĩnh vực này, chưa đánh giá chi tiết phương án/dự án mở rộng hoạt động kinh doanh như diện tích rau sạch, chuyên môn, kỹ thuật áp dụng, hệ thống máy móc lắp đặt, kinh doanh gạo với các pháp nhân nhưng không cung cấp được hóa đơn mua bán hàng hóa.

- Chưa đánh giá được sự phù hợp, tính minh bạch trong cơ cấu tài sản-nguồn vốn: Công ty cho cá nhân ông Nguyễn Đức Nhân (là Chồng bà Nguyễn Thanh Trúc người đại diện theo pháp luật) vay số tiền 20 tỷ đồng đang theo dõi khoản phải thu nhưng không có xác nhận không có hợp đồng cho vay thể hiện mục đích cho vay, thời hạn hoàn trả, không đánh giá chất lượng khả năng thu hồi khoản phải thu; Hàng tồn kho, phải thu-phải trả không có tài liệu thuyết minh, chứng minh tính chính xác của số liệu; Tài sản cố định tại thời điểm thẩm định là 38.874 triệu đồng nhưng chưa có danh sách chi tiết tài sản và chứng nhận sở hữu thuộc về công ty, chưa có chứng từ chứng minh vốn chủ sở hữu của Công ty là 20 tỷ đồng. Một số khoản mục chưa phù hợp với đặc thù ngành nghề sản xuất kinh doanh mua bán giao ngay như tồn kho cao, vòng quay vốn lưu động là 180 ngày chưa phù hợp với đặc thù ngành nghề kinh doanh thương mại luân chuyển hàng hóa nhanh; Phải sử dụng nợ ngắn hạn cho mục đích bổ sung vốn lưu động nhưng vẫn sử dụng nguồn vốn hoạt động để cho cá nhân ông Nguyễn Đức Nhân vay.

- Đối với 02 khoản vay Công ty và khách hàng Nguyễn Đức Nhân (người có liên quan của Công ty) đều đánh giá nguồn thu nhập trả nợ từ cho thuê bất động sản nhưng chưa bóc tách được nguồn thu riêng biệt của 02 khách hàng.

- Thẩm định tình hình sản xuất kinh doanh, phương án vay vốn chưa chặt chẽ chưa thu thập đầy đủ chứng từ chứng minh năng lực hoạt động theo báo cáo đề xuất, tờ khai nộp thuế chưa có xác nhận của cơ quan thuế, tài liệu chứng minh doanh thu-chi phí không đầy đủ, không thu thập tài liệu chứng minh tài sản cố định dẫn đến nguồn thu từ khấu hao hàng năm để là một phần của nguồn trả nợ của phương án chưa đảm bảo để thực hiện.

- Khoản vay định kỳ hạn trả nợ khoản vay ân hạn gốc 12 tháng trong khi theo đánh giá khách hàng có doanh thu từ hoạt động kinh doanh đều hàng năm là chưa phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh.

- Từ tình hình hoạt động của khách hàng, tại báo cáo thẩm định ngày 10/6/2021, Phòng thẩm định chưa đồng ý theo đề xuất cấp tín dụng và kiến nghị các biện pháp, quản lý trong trường hợp cấp phê duyệt đồng ý cho vay nhưng cấp phê duyệt vẫn cho vay theo đề xuất của phòng giao dịch và chưa có biện pháp kiểm soát rủi ro.

(4) Công ty TNHH MTV Hai Cải, dư nợ 14.500 triệu đồng.

Số liệu phân tích tài chính không đủ tính xác thực ở hạng mục hàng tồn kho, đối chiếu số liệu trong phân tích tài chính tại báo cáo thẩm định với báo cáo thuế Bảng CĐKT thời điểm 31/12/2022 không khớp nhau, chênh lệch >20.232 triệu đồng và lợi nhuận chưa phân phối >338 triệu đồng. Chi nhánh đang thu thập và phân tích tài chính theo báo cáo nội bộ của Công ty là không đúng theo nguyên tắc thu thập hồ sơ tài chính của quy định nội bộ tại mục 3 Quyết định 3200/2019/QĐ-TGD ngày 12/12/2019 của Tổng Giám đốc SHB.

(5) Công ty TNHH Khang Minh Quân, nợ nhóm 5, dư nợ 13.709 triệu đồng.

- Theo đề xuất của đơn vị kinh doanh về thẩm định tài chính Công ty chủ yếu phân tích, định giá trên cơ sở số liệu khách hàng cung cấp. Số liệu thẩm định, phân tích chỉ thu thập doanh thu trên báo cáo tài chính nội bộ năm 2019, không có báo cáo tài chính các năm gần kề để thể hiện tài chính ổn định từ hoạt động kinh doanh của Công ty. SHB Đồng Nai chủ yếu ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu (vốn góp) để đảm bảo khả năng trả nợ nhưng không có cơ sở, ngoài ra báo cáo không thể hiện các nguồn thu từ Dự án khác để đánh giá năng lực trên thị trường đối với lĩnh vực xây dựng dự án nhà ở, khu dân cư... theo số liệu bảng kê của khách hàng tự lập dẫn đến thiếu độ tin cậy, ảnh hưởng đến đánh giá tài chính không xác thực của SHB Đồng Nai về khách hàng. Báo cáo không đề cập phân tích đến các yếu tố rủi ro và xử lý dự phòng trong quá trình hoạt động kinh doanh như đối thủ cạnh tranh, giá cả, hỏa hoạn, thay đổi thành viên góp vốn và phương hướng khắc phục sự cố khi xảy ra.

- Tại tờ trình thẩm định tín dụng số 02/2022 ngày 25/01/2022 v/v điều chỉnh giá trị định giá và nhận thêm TSĐB đối với khoản vay của Công ty TNHH Khang Minh Quân ghi nhận rủi ro thị trường tương đối cao, chưa có sản phẩm bán ra thị trường, nguồn trả nợ khó khăn (có khả năng sử dụng vốn vay để trả nợ lãi/gốc tới hạn); rủi ro về chính sách sẽ dẫn đến thu hồi dự án nên không đồng ý do toàn bộ các QSDĐ này chưa đủ điều kiện chuyển nhượng nhưng đơn vị kinh doanh vẫn

cấp tín dụng mà không có biện pháp phòng ngừa rủi ro. Hiện trạng cho thấy khả năng trả nợ từ dự án chưa khả thi.

(6) Công ty TNHH DVXD M&H, nợ nhóm 2, dư nợ 4.350 triệu đồng.

- Khách hàng gặp khó khăn về tài chính, thường xuyên trả nợ không đúng như thỏa thuận đối với các món vay được giải ngân trong hạn mức tín dụng được cấp năm 2022 nhưng vẫn được thẩm định và phê duyệt tiếp tục giải ngân các món vay mới và đánh giá hoạt động kinh doanh hiệu quả, ổn định, SHB Chi nhánh Đồng Nai chưa đánh giá đầy đủ trong việc cấp thêm hạn mức tín dụng, khả năng duy trì và kiểm soát doanh thu của khách hàng để đảm bảo khách hàng trả được nợ đầy đủ khoản giải ngân mới và khoản nợ cũ. Vì vậy, tại kỳ trả nợ đầu tiên sau giải ngân, khách hàng hoàn toàn mất khả năng tài chính, không trả được đầy đủ nợ gốc và lãi cho SHB Đồng Nai.

(7) Công ty TNHH SX Gỗ Tân Phú, nợ nhóm 1, dư nợ 14.690 triệu đồng.

Thẩm định chưa đầy đủ một số các chỉ số tài chính như về khả năng thanh toán ngắn hạn công ty có hệ số thanh toán nhanh nhỏ hơn 1 điều này có nghĩa là tài sản ngắn hạn không đủ để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn đặt doanh nghiệp vào tình trạng rủi ro tài chính; về chỉ số đòn bẩy tài chính và cơ cấu tài sản, nguồn vốn, nợ phải trả chiếm tỷ lệ lớn so với tổng tài sản và vốn chủ sở hữu điều đó cho thấy tài sản của Công ty chủ yếu hình thành từ những khoản nợ, dẫn đến công ty đang phải đối diện với khó khăn trong việc chi trả các khoản nợ, tiềm ẩn nhiều rủi ro có khả năng mất khả năng trả nợ. Mặc dù công ty vẫn hoạt động có hiệu quả. Theo thông tin tại báo cáo thẩm định thì chỉ số sinh lời ROE sụt giảm theo thời gian, cụ thể: năm 2020 là 57%; năm 2021 là 49% và năm 2022 là 30% nhưng Chi nhánh không phân tích, đánh giá được các nguyên nhân. Các số liệu phân tích trong báo cáo thẩm định và mẫu đề xuất cấp tín dụng có sự chênh lệch so với tờ khai VAT mà khách hàng cung cấp như các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận hay cơ cấu về tài sản và nguồn vốn có sự khác biệt lớn tuy nhiên chi nhánh chưa làm rõ nguyên nhân/lý do.

(8) Các số liệu phân tích trong báo cáo thẩm định có sự chênh lệch so với tờ khai VAT mà khách hàng cung cấp như các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận hay cơ cấu về tài sản và nguồn vốn có sự khác biệt lớn tuy nhiên chi nhánh chưa đánh giá nguyên nhân. Phân tích các hệ số tài chính của phòng Thẩm định và Phòng Giao dịch có sự khác nhau về kết quả nhưng chi nhánh chưa đánh giá được nguyên nhân (Công ty TNHH Đức Việt Thành, nợ nhóm 1, dư nợ 11.500 triệu đồng); số liệu đánh giá phân tích chủ yếu dựa trên cáo báo cáo nội bộ, không căn cứ vào báo cáo nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Công ty TNHH Xuân Quý, dư nợ 2.450 triệu đồng); Tại tờ trình thẩm định cấp hạn mức tín dụng ngày 24/9/2012, tài chính khách hàng tại các năm 2010, 2011 số liệu có sự chênh lệch về lợi nhuận kinh doanh giữa các năm như tại BCTC năm 2010 lợi nhuận cuối năm lãi 2.972 triệu đồng, BCTC năm 2011 số liệu năm trước lại lỗ 498 triệu đồng; các chi phí quản lý DN chênh lệch khá cao giữa các năm, không đồng nhất số liệu giữa các năm (Công ty TNHH Tây Âu, nợ nhóm 5, dư nợ 1.768 triệu đồng).

Chi tiết trách nhiệm những người có liên quan đến công tác thẩm định cụ thể theo Biểu 08- Tổng hợp các vi phạm về hoạt động cho vay kèm theo và Phụ lục 01 kèm theo.

3.1.2. Đối với các khách hàng cá nhân: Gồm 28 khách hàng (44 HĐTD), với tổng dư nợ là 336.418 triệu đồng, đơn cử:

(1) Khách hàng Nguyễn Văn Sắc, dư nợ: 12.000 triệu đồng.

- Khách hàng kinh doanh các loại máy nông cơ và xe cơ giới cũ thẩm định doanh thu 63 tỷ/năm, giá vốn hàng bán 58 tỷ đồng, lợi nhuận ròng 2 tỷ đồng nhưng chưa có cơ sở để xác thực số liệu như đơn đặt hàng, hợp đồng mua bán, chuyển nhượng, hóa đơn giá trị gia tăng, biên bản bàn giao máy móc, báo cáo kê khai thuế. Theo thẩm định thị trường tiêu thụ là trong nước và 30% doanh số đến từ thị trường Campuchia nhưng chưa đánh giá hình thức xuất khẩu trực tiếp hay thông qua ủy thác đối với thị trường Campuchia trong khi khách hàng không được cấp phép xuất khẩu hàng hóa qua biên giới.

- Tình hình hoạt động kinh doanh chưa chặt chẽ, khách hàng ký hợp đồng ủy thác nhập khẩu với Công ty TNHH MTV Khiêm Nhật nhưng chưa đánh giá tính pháp lý của Công ty đối với hoạt động này, các tài liệu nhập khẩu máy móc thiết bị do khách hàng cung cấp được nhập khẩu bởi Công ty TNHH Như Hòa, Công ty TNHH Diên Phan không đúng tên công ty trên hợp đồng ủy thác, tài liệu cung cấp chỉ có tờ khai hàng hóa nhập khẩu không thể hiện giá trị mua bán, xuất xứ, hiện trạng máy móc.

- Báo cáo tình hình tài chính về cơ cấu tài sản-nguồn vốn của khách hàng tính tin cậy thấp, do khách hàng tự kê khai và lập bảng kê, chưa đủ cơ sở xác thực chứng minh do không có hóa đơn VAT đối với các giao dịch mua- bán hàng (kể cả trường hợp mua bán với đối tác là Công ty), không có xác nhận công nợ phải thu-phải trả, không tham khảo giá trị thị trường của các mặt hàng máy móc thiết bị để so sánh tính phù hợp, chưa đủ căn cứ để đánh giá quy mô hoạt động, hình ảnh kiểm tra kho bãi chưa tương xứng với doanh thu thẩm định, tại kho hàng Bến Lức, Long An khách hàng cho thuê để ký gửi máy móc, xe cơ giới nhưng khi đánh giá quy mô hoạt động chưa bóc tách giá trị máy móc thiết bị thuộc sở hữu của khách hàng và của bên ký gửi.

(2) Khách hàng Tăng Hồng Bình, dư nợ: 19.000 triệu đồng.

- Khách hàng vay với mục đích kinh doanh bất động sản thuộc ngành nghề phải đăng ký kinh doanh nhưng Khách hàng chưa thực hiện nghĩa vụ đăng ký kinh doanh theo quy định tại Điều 7 Luật Thương mại 2005.

- Đánh giá tình hình tài chính của khách hàng với tổng tài sản là 108 tỷ đồng nhưng chưa phân tích chi tiết thành phần cấu thành và tài liệu chứng từ chứng minh các khoản mục về tài sản cố định, vốn chủ sở hữu; Thẩm định kết quả kinh doanh hàng năm như doanh thu đạt 75 tỷ đồng, giá vốn 70,5 tỷ đồng, lợi nhuận 4,5 tỷ đồng, Doanh thu lợi nhuận ghi nhận cao nhưng chưa thu thập đầy đủ cơ sở chứng minh kiểm chứng quy mô hoạt động kinh doanh như các giao dịch mua-bán ký kết đã thực hiện, chứng từ thu nộp thuế, phí chuyển nhượng, sao kê TKTT, chưa đánh giá lịch sử dòng tiền thu từ HĐKD để xác định lịch trả gốc/lãi phù hợp...

- Việc cấp hạn mức tín dụng vốn lưu động là 20 tỷ đồng chưa phù hợp với tình hình tài chính của khách hàng, cụ thể: tổng doanh thu 75 tỷ đồng, vòng quay vốn lưu động 2 vòng/năm, nhu cầu vốn lưu động 1 vòng là 37,5 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu 91,8 tỷ đồng nhưng xác định cho vay là 20 tỷ đồng.

- Theo ý kiến của phòng Thẩm định tại báo cáo ngày 04/8/2023 là chưa đủ cơ sở để xem xét cấp tín dụng và kiến nghị các biện pháp, quản lý trong trường hợp cấp phê duyệt đồng ý cho vay nhưng cấp phê duyệt vẫn cho vay theo đề xuất của phòng giao dịch và chưa có biện pháp kiểm soát rủi ro.

(3) Khách hàng Ngô Mạnh Cường, dư nợ 21.889 triệu đồng.

- Theo GCN ĐKKD số 47A806957 cấp cho hộ gia đình ông Ngô Mạnh Cường ngành nghề kinh doanh là mua bán các sản phẩm mới giấy, nhựa sắt, thép (không được buôn bán phế liệu). Tuy nhiên, thực tế thẩm định hoạt động kinh doanh chính là mua bán phế liệu cũ, gỗ đã qua sử dụng để thực hiện quy trình sản xuất viên nén gỗ, chưa đúng với hoạt động kinh doanh trong giấy phép.

- Thẩm định doanh thu của khách hàng cao đạt 250 tỷ đồng/năm, lợi nhuận đạt 2,08 tỷ đồng/tháng nhưng chưa đủ thông tin cơ sở xác thực số liệu như không có phiếu giao hàng, đơn đặt hàng, phiếu cân hàng, giao dịch chuyển tiền mua bán để chứng minh hoạt động kinh doanh, chứng từ nộp thuế, chi phí điện nước hàng tháng chứng minh phù hợp với công suất hoạt động, không có hình ảnh hệ thống vận hành về hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Chưa phân tích, đánh giá được chi tiết các khoản mục trên báo cáo tài chính của khách hàng như: tài sản cố định là khoảng 86 tỷ đồng gồm bất động sản, máy móc thiết bị, xe ô tô nhưng chưa có chứng từ thể hiện quyền sở hữu đối với máy móc thiết bị, xe ô tô, bất động sản và không thể hiện được thông tin các bất động sản được sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, các khoản phải thu-phải trả không có xác nhận của các đối tác.

- Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh chung chung về quy trình sản xuất nhưng chưa đánh giá các yếu tố tác động đến hoạt động sản xuất như máy móc thiết bị, hệ thống trang bị phòng cháy chữa cháy, đánh giá tác động môi trường, chất lượng sản phẩm so với đối thủ cạnh tranh.

- Tại báo cáo thẩm định ngày 06/10/2023, Phòng thẩm định đề xuất cấp tín dụng ở hạn mức thấp hơn do giá trị TSĐB thấp, để phù hợp với tỷ lệ cho vay/giá trị tài sản đảm bảo theo đánh giá của Phòng thẩm định.

** Đối với khoản vay sửa chữa nhà và mua sắm vật dụng gia đình 2 tỷ đồng.*

Thẩm định phương án vay vốn sửa nhà và mua sắm vật dụng gia đình chưa chặt chẽ không có bảng dự toán chi phí xây dựng, hình ảnh nhà cũ trước khi sửa chữa, bảng thiết kế sửa chữa, không theo dõi tiến độ xây dựng dự án ở thời điểm thẩm định và các giai đoạn thanh toán với chủ thầu xây dựng để xác định thời điểm giải ngân phù hợp với tiến độ thi công. Chưa thu thập tài liệu chứng minh vốn tự có của khách hàng khi tham gia phương án.

(4) Khách hàng Tiêu Thị Nhó, nợ nhóm 1, dư nợ 28.500 triệu đồng.

- Theo báo cáo thẩm định số 308/2021/TTr.TĐ-SHB.ĐNAI ngày 14/5/2021 nguồn thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh với kết quả doanh

thu là 16 tỷ đồng/năm, chi phí 15 tỷ đồng, lợi nhuận 141 triệu đồng nhưng chưa đầy đủ cơ sở để xác định số liệu như không có chứng từ nộp thuế, hồ sơ thẩm định đánh giá doanh thu, chi phí, lợi nhuận chỉ căn cứ trên bảng kê bán lẻ, sổ nhật ký bán hàng do khách hàng lập, không có bảng diễn giải chi tiết giá vốn hàng tháng, tài liệu chứng minh thu thập chi phí điện nước chưa đầy đủ với số liệu phương án, sổ sách các khoản công nợ phải thu và xác nhận của đối tác...

- Từ tình hình hoạt động của khách hàng, xem xét phương án vay vốn, tại báo cáo thẩm định ngày 13/3/2023, phòng Thẩm định khoản vay chưa đồng ý theo đề xuất cấp tín dụng và kiến nghị các biện pháp, quản lý trong trường hợp cấp phê duyệt đồng ý cho vay nhưng cấp phê duyệt vẫn cho vay theo đề xuất của phòng giao dịch và chưa có biện pháp kiểm soát rủi ro.

(5) Khách hàng Nguyễn Huy Phong, nợ nhóm 4, dư nợ 3.558 triệu đồng.

- Thực hiện xét duyệt cho vay khi căn cứ là phương án vay vốn và khả năng trả nợ của khách hàng còn nhiều bất lợi, chưa đủ tính tin cậy, chưa có các biện pháp giảm thiểu rủi ro.

Theo báo cáo thẩm định số 308/2021/TTr.TĐ-SHB.ĐNAI ngày 14/5/2021 nguồn thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh với kết quả doanh thu năm là 16 tỷ đồng, chi phí 15 tỷ đồng, lợi nhuận 141 triệu đồng nhưng chưa đầy đủ cơ sở để xác định số liệu như không có chứng từ nộp thuế, hồ sơ thẩm định đánh giá doanh thu, chi phí, lợi nhuận chỉ căn cứ trên bảng kê bán lẻ, sổ nhật ký bán hàng do khách hàng lập, không có bảng diễn giải chi tiết giá vốn hàng tháng, tài liệu chứng minh thu thập chi phí điện nước chưa đầy đủ với số liệu.

(6) Khách hàng Nguyễn Đức Nhân, nợ nhóm 5, dư nợ 19.772 triệu đồng.

* Đối với khoản vay theo HĐTD số 111/2021/HĐTD-CN/SHB.130407 ngày 05/03/2021. Số tiền cho vay: 19.000 trđ. Mục đích vay: Cấp tín dụng bù đắp vốn mua Bất Động Sản

- Thẩm định nguồn thu để trả nợ của khách hàng từ hoạt động kinh doanh Karaoke, nhà hàng với mức doanh thu lớn đạt 1.300 triệu đồng/tháng nhưng chứng từ chứng minh doanh thu là các bảng kê do khách hàng liệt kê không có tài liệu để kiểm chứng độ chính xác, không có chứng từ nộp thuế, bảng diễn giải chi tiết giá vốn hàng tháng mang tính chung chung ước lượng không đảm bảo được độ tin cậy làm cơ sở để thẩm định.

- Nguồn thu nhập trả nợ từ hoạt động cho thuê bất động sản với tổng thu nhập 688 triệu đồng nhưng hình thức thanh toán chủ yếu bằng tiền mặt mức độ tin cậy chưa cao, không thẩm định vị trí, hình ảnh về tài sản đang cho thuê để ước lượng với các địa điểm thuê ở vị trí tương đồng, hợp đồng cho thuê đất đã hết thời hạn thuê (hợp đồng nhà và đất số 687C đường XVNT) nhưng chưa đánh giá lại nguồn thu nhập.

- Nguồn thu nhập từ các khoản hợp tác góp vốn chỉ cung cấp chứng từ là hợp đồng ký song phương không được công chứng, không có thông tin tài liệu chuyển tiền góp vốn, không quy định cách thức, phân chia kết quả kinh doanh xác định dòng tiền thu nhập của khách hàng (hợp đồng hợp tác kinh doanh quán cà phê nhà hàng TiGon), chưa đánh giá về các yếu tố vệ sinh an toàn thực phẩm, công tác



đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy, mặt bằng kinh doanh cà phê Tigon thuộc nhà nghỉ khách sạn công đoàn Thanh Đa được quản lý bởi Liên đoàn Lao Động TPHCM nhưng chưa thu thập tài liệu nhà nghỉ khách sạn công đoàn Thanh Đa được cho phép khoán mặt bằng và cho thuê với các cá nhân tổ chức bên ngoài để kinh doanh; thẩm định hoạt động kinh doanh Karaoke nhưng không đánh giá chặt chẽ về việc đáp ứng hoạt động kinh doanh về các điều kiện như phòng cháy chữa cháy, an ninh trật tự, cách âm.

- Ngoài ra ông Nguyễn Đức Nhân còn liên quan đến Công ty hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực là Công ty TNHH TMDV Cù Lao Xanh nhưng hoạt động thẩm định không bóc tách được hoạt động kinh doanh, không tách bạch được nguồn thu của 02 khách hàng để xem xét đánh giá khả năng trả nợ, cùng hoạt động kinh doanh nhà hàng tại cùng địa điểm không phân định được hoạt động tài chính của khách hàng và Công ty dẫn đến một số chỉ tiêu tài chính chưa có sự minh bạch như tồn kho, phải thu, phải trả.

* Đối với khoản vay theo HMTD số tiền 1.300 triệu đồng ngày 21/12/2021.

- Tại thời điểm cấp hạn mức tín dụng hoạt động kinh doanh của khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid và phải cơ cấu lại khoản vay đến tháng 6/2022 do không có khả năng trả nợ, hoạt động kinh doanh đang thu hẹp nhưng vẫn tiếp tục cấp khoản vay thấu chi cho khách hàng trong khi không đánh giá đầy đủ khả năng trả nợ, khả năng phục hồi kinh doanh của khách hàng.

- Tại thời điểm cấp tín dụng, phòng Thẩm định chưa có điều kiện tham gia thẩm định do đang thực hiện xử lý nhiều hồ sơ khác cùng thời điểm, do đó không có ý kiến đề xuất chưa đúng với khoản 3 Điều 7 Quyết định số 2624/2018/QĐ-TGD ngày 25/9/2018 về việc ban hành quy trình cấp tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại SHB.

Chi tiết nội dung ghi nhận và trách nhiệm những người có liên quan đến công tác thẩm định cụ thể theo Biểu 08- Tổng hợp các vi phạm về hoạt động cho vay và Phụ lục 01 kèm theo.

3.2. Về kiểm tra, giám sát vốn vay: Về cơ bản công tác kiểm tra, giám sát vốn vay thực hiện theo quy định nội bộ của SHB, tuy nhiên nội dung kiểm tra chưa đầy đủ, chặt chẽ; một số khách hàng chưa thu thập đầy đủ chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn, chưa thu thập đầy đủ các hồ sơ, tài liệu liên quan đến các nội dung được kiểm tra theo hướng dẫn của SHB đối với 48 khách hàng (72 HMTD) với tổng dư nợ thời điểm 31/12/2023 là 617.946 triệu đồng gồm 13 khách hàng Doanh nghiệp (19 HMTD) với tổng dư nợ là 139.123 triệu đồng và 35 khách hàng cá nhân (53 HMTD) với tổng dư nợ là 478.823 triệu đồng. Cụ thể:

(1) Chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn chưa đầy đủ, những tài liệu được thu thập độ tin cậy thấp, có sự không đồng nhất với phương án vay vốn dẫn đến việc sử dụng vốn vay chưa rõ ràng, tài sản hình thành chưa tương xứng với số tiền giải ngân, chưa hoàn thành mục đích của phương án vay vốn, đối với 16 khách hàng, dư nợ 171.502 triệu đồng. Cụ thể:

- Khách hàng vay mục đích mua bất động sản nhưng vẫn chưa thu thập được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên khách hàng, gồm: (1) Công ty TNHH DT SX TM DV Nông nghiệp Cù Lao Xanh, dư nợ 26.500 triệu đồng; (2) Lê Đức Thuận, dư nợ 4.447 triệu đồng; (3) Lê Văn Bá, dư nợ 3.761 triệu đồng (HĐTD số 529, 942, 287, 266).

- Chưa kiểm soát chặt chẽ chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn dẫn đến khách hàng sử dụng vốn sai mục đích, khách hàng vay vốn với mục đích tiêu dùng nhưng dùng tiền giải ngân để mua chứng chỉ tiền gửi đối với khách hàng Nguyễn Văn Phương, dư nợ 2.800 triệu đồng (HĐTD số 810, 811, 812).

- Khách hàng vay với mục đích bổ sung vốn hoạt động kinh doanh nhưng chứng từ chứng minh hoạt động kinh doanh chưa đầy đủ, khó xác thực, tính tin cậy thấp như: mua xe qua ủy thác chỉ cung cấp tờ khai hàng hóa nhập khẩu, không có giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, không có chứng từ thể hiện chuyển quyền sở hữu xe nhập khẩu cho khách hàng đối với Khách hàng Nguyễn Văn Sắc, dư nợ 12.000 triệu đồng; Kinh doanh bất động sản nhưng giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh không có ngành nghề bất động sản, hợp đồng chuyển nhượng BĐS công chứng với hình thức giao dịch bằng tiền mặt, giá trị nhỏ và các hợp đồng đặt cọc/chuyển nhượng BĐS viết tay không công chứng đối với khách hàng Trần Văn Hiến, dư nợ 8.000 triệu đồng. Khách hàng vay bổ sung vốn kinh doanh nên, đèn cầy chỉ có hình ảnh kinh doanh, hồ sơ cung cấp không có giấy phép đăng ký kinh doanh là chưa phù hợp theo quy định tại Điều 79 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về Đăng ký kinh doanh và chưa phù hợp quy định nội bộ của SHB tại Quyết định số 1452/2021/QĐ-TGD ngày 31/5/2021 của TGD SHB về việc ban hành quy định về sản phẩm cho vay phục vụ sản xuất kinh doanh dành cho KHCB đối với khách hàng Nguyễn Thị Thùy Trang dư nợ 9.500 triệu đồng

- Kiểm tra mục đích sử dụng vốn cho khoản vay mua sắm vật dụng gia đình nhưng tài liệu chứng minh là bảng kê do khách hàng và người bán tự kê không có thông tin cửa hàng, địa chỉ mua hàng, hóa đơn, hình ảnh chứng minh mua sắm vật dụng gia đình. Sửa chữa nhà nhưng không có biên bản nghiệm thu xây dựng, hình ảnh nhà sau khi sửa chữa đối với khách hàng Ngô Mạnh Cường, dư nợ 21.889 triệu đồng.

- Chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn chưa đầy đủ, tính tin cậy chưa cao chỉ cung cấp giấy mượn tiền nhưng không thể hiện được mục đích sử dụng khoản tiền vay mượn là mua tài sản nào để thu thập chứng từ chứng minh sau vay phù hợp với phương án giải ngân, chưa thu thập chứng từ xác nhận đã nhận đủ tiền vay mượn của bên thứ 3/người bán, chứng từ chứng minh giao dịch mua bán như hợp đồng mua bán, gồm: (1) Tiêu Thị Nhó, dư nợ 28.500 triệu đồng; (2) Đoàn Ngọc, dư nợ 5.200 triệu đồng; (3) Nguyễn Đình Lương, dư nợ 2.109 triệu đồng; (4) Công ty TNHH Khang Minh Quân, dư nợ 13.709 triệu đồng.

- Tài liệu cung cấp sau kiểm tra giám sát vốn vay chưa phù hợp với phương án vay vốn, khách hàng vay với mục đích mua bất động sản nhưng có sự chênh lệch giữa giá trị chuyển nhượng tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng và giá trị trên hợp đồng đặt cọc là cơ sở được SHB Đồng Nai xác định

nhu cầu vốn vay. Tuy nhiên, SHB Đồng Nai chưa có biện pháp kiểm soát/xem xét lại các nội dung của phương án vay vốn để có mức tài trợ phù hợp, gồm: (1) Đặng Minh Hoàn, dư nợ 1.520 triệu đồng; (2) Nguyễn Văn Đạm, dư nợ 5.936 triệu đồng; (3) Nguyễn Trường Hải, dư nợ 7.631 triệu đồng; (4) Nguyễn Đức Thái, dư nợ 18.000 triệu đồng; (5) Lê Văn Bá, dư nợ 1.500 triệu đồng (HĐTD số 529-2016).

(2) Kiểm tra giám sát vốn vay nhưng chưa thu thập đầy đủ chứng từ chứng minh quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, thực trạng tài chính xem xét khả năng trả nợ của khách hàng như hợp đồng kinh tế, tờ khai VAT có xác nhận của cơ quan thuế, hợp đồng thi công, sổ theo dõi hàng tồn kho, hình ảnh hàng tồn kho, bảng kê bán hàng, phiếu cân hàng, phiếu xuất hàng; ... để đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định, liên tục và có hiệu quả, có khả năng trả nợ khoản vay đối với 13 khách hàng, dư nợ 173.773 triệu đồng, gồm: (1) Công ty TNHH Xây dựng công trình Tín Đạt với tổng dư nợ liên quan 19.400 triệu đồng; (2) Công ty TNHH DT SX TM DV Nông nghiệp Cù Lao Xanh, dư nợ 26.500 triệu đồng; (3) Công ty TNHH Phú Hùng Vương, dư nợ 13.000 triệu đồng; (4) Nguyễn Văn Sắc, dư nợ 12.000 triệu đồng; (5) Tăng Hồng Bình, dư nợ 19.000 triệu đồng; (6) Tiêu Thị Nhỏ, dư nợ 28.500 triệu đồng; (7) Nguyễn Khắc Thủy, dư nợ 14.800 triệu đồng; (8) Công ty TNHH Ngọc Vinh Long, dư nợ 3.000 triệu đồng; (9) Khách hàng Trần Văn Hiến, dư nợ 9.000 triệu đồng; (10) Công ty TNHH MTV Xây dựng Cao Xuân Ngân, dư nợ 4.700 triệu đồng; (11) Công ty TNHH Xuân Quý, dư nợ 2.450 triệu đồng; (12) Công ty TNHH Hiền Phong Phú, dư nợ 12.423 triệu đồng; (13) Thân Phi Hoàng, dư nợ 9.000 triệu đồng.

(3) Thực hiện kiểm tra mục đích sử dụng vốn chưa đúng thời hạn, kiểm tra giám sát sau vay chưa đúng tần suất theo quy định nội bộ đối với 6 khách hàng, dư nợ 83.889 triệu đồng, gồm: (1) Nguyễn Trọng Nhân, dư nợ 29.846 triệu đồng; (2) Phan Công Danh, dư nợ 15.000 triệu đồng; (3) Phan Khắc Tài, dư nợ 16.000 triệu đồng; (4) Lê Văn Bá, dư nợ 4.335 triệu đồng, (5) Khang Minh Quân, dư nợ 13.709 triệu đồng; (6) Nguyễn Văn Phương, dư nợ 5.000 triệu đồng.

(4) Thực hiện kiểm tra giám sát vốn vay nhưng nội dung tại biên bản kiểm tra chưa đầy đủ thông tin để đánh giá tình hình hoạt động của khách hàng, năng lực tài chính, chất lượng khoản vay và các thông tin liên quan đến khoản vay tại các thời điểm kiểm tra như nguồn thu nhập, nguồn trả nợ, tăng/giảm trong cơ cấu nguồn vốn/tài sản...; Về những biến động của tài sản thế chấp/tài sản hình thành từ mục đích vay vốn, điều kiện về phòng chống cháy nổ, về điều kiện phê duyệt cấp tín dụng...; Thông tin lịch sử nhóm nợ của khoản vay đối với 13 khách hàng, dư nợ 217.920 triệu đồng, gồm: (1) Phan Công Danh, dư nợ 15.000 triệu đồng; (2) Nguyễn Hữu Xuân, dư nợ 19.204 triệu đồng; (3) Công ty TNHH SX Gõ Tân Phú, dư nợ 14.690 triệu đồng; (4) Công ty TNHH Đức Việt Thành, dư nợ 11.500 triệu đồng; (5) Nguyễn Văn Biểu, dư nợ 2.000 triệu đồng; (6) Nguyễn Bảo Doan Trang, dư nợ 2.133 triệu đồng; (7) Trần Khắc Lâm, dư nợ 10.587 triệu đồng; (8) Nguyễn Trần Phương Thảo, dư nợ 1.538 triệu đồng; (9) Huỳnh Thị Thu Trang, dư nợ 1.000 triệu đồng; (10) Phạm Thành Phát, dư nợ 26.500 triệu đồng; (11) Nguyễn Thị Kiều Oanh, dư nợ 94.000 triệu đồng; (12) Công ty TNHH Tây Âu, dư nợ 1.768 triệu đồng; (13) Nguyễn Đức Thái, dư nợ 18.000 triệu đồng.

(4) Chứng từ làm cơ sở thực hiện giải ngân khoản vay chưa chặt chẽ, chưa đầy đủ về mặt nội dung và hình thức dẫn đến việc chứng minh hoạt động giao dịch mua bán hàng hóa chưa đảm bảo tin cậy, khó kiểm soát mục đích dòng tiền giải ngân. Chưa thu thập đầy đủ tài liệu để chứng minh phương thức giải ngân phù hợp như: thực hiện giải ngân tiền mặt để thanh toán cho người thụ hưởng không có tài khoản thanh toán tại các tổ chức cung ứng dịch vụ nhưng chưa thu thập chứng từ xác nhận của bên thụ hưởng đã nhận tiền, giải ngân cho vay bù đắp cho bên thứ ba nhưng không có giấy ký nhận tiền để chứng minh dòng tiền giải ngân đúng đối tượng; chưa chứng minh dòng tiền giải ngân được chuyển đúng đối tác nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng rủi ro trong việc sử dụng vốn vay đối với 10 khách hàng, dư nợ 108.048 triệu đồng. Cụ thể:

- Không có Giấy giao nhận tiền giữa người mua và người bán xe (giải ngân qua TK trung gian của khách hàng vay); Không có cam kết của bên thụ hưởng không có TK thanh toán theo mục 2 Điều 4 Quyết định nội bộ 645/2018/QĐ-TGD ngày 27/3/2018 về phương thức giải ngân cho vay (Giấy bán xe cùng ngày giải ngân cho KH vay vốn); Đến thời điểm thanh tra chưa có xe nào (SHB tài trợ) sang tên cho KH vay (chỉ kèm chứng từ giải ngân là Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô photo tên người bán đối với Khách hàng Đoàn Ngọc, dư nợ 5.200 triệu đồng).

- Giải ngân căn cứ trên phiếu giao hàng, hàng hóa có giá trị cao để làm cơ sở giải ngân nhưng không có Hóa đơn VAT (không thu thập hóa đơn trên 200.000 đồng theo quy định BTC), sử dụng bảng kê mua hàng đối với lĩnh vực không thuộc các trường hợp được sử dụng bảng kê theo quy định tại điểm 2.4 Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC; không có đơn đặt hàng thể hiện chủng loại, giá cả, số lượng; phiếu nhập kho; xác nhận đã nhận tiền của người bán; không ghi nhận chủng loại, mẫu mã hàng hóa để xác định giá trị sản phẩm mua sắm gồm: (1) Lê Văn Bá, dư nợ 1.725 triệu đồng (HĐTD số 287 và HĐTD số 266); (2) Nguyễn Thị Dung, dư nợ 7.200 triệu đồng; (3) Lê Kim Ngọc, dư nợ 30.000 triệu đồng; (4) Nguyễn Khắc Thủy, dư nợ 14.800 triệu đồng; (5) Nguyễn Văn Sắc, dư nợ 12.000 triệu đồng.

- Chưa thu thập chứng từ xác nhận của bên thụ hưởng đã nhận tiền, giải ngân cho vay bù đắp cho bên thứ ba nhưng không có giấy ký nhận tiền để chứng minh dòng tiền giải ngân đúng đối tượng, nội dung trên giấy mượn tiền không thể hiện nội dung mục đích vay, gồm (1) Nguyễn Đức Nhân, dư nợ 18.472 triệu đồng (HĐTD số 111); (2) Đặng Minh Hoàn, dư nợ 1.520 triệu đồng; (3) Nguyễn Trường Hải, dư nợ 7.631 triệu đồng.

- Chuyển tiền đến người thụ hưởng không đúng thông tin chỉ định người nhận trên hợp đồng mua bán chứng minh mục đích sử dụng vốn là ông Nguyễn Vũ Phần đối với Khách hàng Nguyễn Văn Sắc, dư nợ 12.000 triệu đồng.

- Theo đánh giá của báo cáo đề xuất và báo cáo thẩm định ghi nhận nhà cung cấp đầu vào của khách hàng chỉ duy nhất đối tác là Công ty nguyên liệu D.P Quốc tế tuy nhiên ngày giải ngân tiền vay vào tài khoản của khách hàng, khách hàng thực hiện các giao dịch chuyển tiền cho các bên thụ hưởng không liên quan đến các đối tác cung cấp đầu vào đối với khách hàng Nguyễn Thị Thùy Trang, dư nợ 9.500 triệu đồng.

(5) Chưa thực hiện xác định lại giá trị TSĐB theo tần suất quy định nội bộ tại Điều 21 Quy trình kiểm tra giám sát sau vay số 1467/2021/QĐ-TGD ngày 01/6/2021; Chưa theo dõi hiện trạng, đánh giá chất lượng tài sản đảm bảo theo nội dung phê duyệt tín dụng, chưa định giá lại tài sản đảm bảo theo đề xuất của phòng thẩm định đối với 10 khách hàng dư nợ 99.688 triệu đồng, gồm: (1) Công ty TNHH DT SX TM DV Nông nghiệp Cù Lao Xanh, dư nợ 26.500 triệu đồng; (2) Nguyễn Đức Nhân, dư nợ 19.772 triệu đồng; (3) Huỳnh Thị Thu Trang, dư nợ 1.000 triệu đồng; (4) Nguyễn Bảo Đoàn Trang, dư nợ 2.133 triệu đồng; (5) Trần Khắc Lâm, dư nợ 10.587trđ; (6) Công ty TNHH MTV Xây dựng Cao Xuân Ngân, dư nợ 4.700 triệu đồng; (7) Châu Thị Mỹ Lang, dư nợ 1.605 triệu đồng; (8) Công ty TNHH Tây Âu, dư nợ 1.768 triệu đồng; (9) Công ty TNHH Hiền Phong Phú dư nợ 12.423 triệu đồng; (10) Tô Tiến Dũng dư nợ 19.200 triệu đồng.

(6) Theo dõi việc chuyển dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh về tài khoản thanh toán của khách hàng mở tại SHB Đồng Nai theo cam kết tín dụng chưa chặt chẽ, chưa đánh giá dòng tiền/doanh thu từ hoạt động kinh doanh của khách hàng theo điều kiện quản lý dòng tiền, một số khách hàng chưa thực hiện các nội dung theo cam kết, các giao dịch chủ yếu là nộp/rút tiền mặt cá nhân, không phát sinh dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh về tài khoản nhưng SHB Đồng Nai chưa xác định nguyên nhân, đề xuất các biện pháp kiểm soát dòng tiền phù hợp đối với 06 khách hàng, dư nợ 48.106 triệu đồng gồm: (1) Công ty TNHH Ngọc Vĩnh Long, dư nợ 3.000 triệu đồng; (2) Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Trúc Việt, dư nợ 14.964 triệu đồng; (3) Công ty TNHH Điện Thành, dư nợ 1.019 triệu đồng; (4) Nguyễn Văn Sắc, dư nợ 12.000 triệu đồng; (5) Công ty TNHH MTV Xây dựng Cao Xuân Ngân, dư nợ 4.700 triệu đồng; (6) Công ty TNHH Hiền Phong Phú, dư nợ 12.423 triệu đồng.

(7) Chưa thực hiện đúng quy trình quản lý và xử lý nợ có vấn đề theo quy định nội bộ, cụ thể: khoản vay phát sinh nợ nhóm 2 nhưng chưa có biên bản làm việc với khách hàng để kiểm tra thực tế nguồn trả nợ, tài sản đảm bảo, đánh giá khả năng trả nợ và thu hồi nợ cho SHB, biên bản đôn đốc nhắc nợ, thông báo quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn cho khách hàng theo quy định nội bộ về quy trình theo dõi và xử lý nợ có vấn đề đối với Khách hàng Mai Thị Ngọc Hằng, dư nợ 2.814 triệu đồng;

Chi tiết trách nhiệm những người có liên quan trong việc thực hiện kiểm tra sau cho vay được nêu tại Biểu 08-Tổng hợp vi phạm về hoạt động cho vay và chi tiết tại Phụ lục 02.

3.3. Về hồ sơ vay vốn:

SHB Đồng Nai thực hiện cho vay nhưng chưa thu thập đầy đủ hồ sơ vay vốn theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và quy định nội bộ của SHB Đồng Nai đối với 14 khách hàng (26 HĐTD) với tổng dư nợ thời điểm 31/12/2023 là 288.893 triệu đồng. Cụ thể:

(1) Chưa thu thập đầy đủ hồ sơ tài liệu thể hiện quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng như chứng từ, sổ sách ghi chép theo dõi thu,

chi, hợp đồng mua bán, chứng từ nộp thuế trong hoạt động kinh doanh BĐS; hoạt động kinh doanh nông sản... đối với 07 khách hàng, dư nợ 106.986 triệu đồng, gồm: (1) Nguyễn Thành Chinh, dư nợ 30.000 triệu đồng, (2) Nguyễn Văn Huy, dư nợ 29.500 triệu đồng; (3) Đặng Quốc Trọng, dư nợ 24.000 triệu đồng, (4) Phạm Thế Vinh dư nợ 2.689 triệu đồng, (5) Nguyễn Đình Lương, dư nợ 2.109 triệu đồng; (6) Thân Phi Hoàng, dư nợ 9.000 triệu đồng; (7) Thân Thị Dung, dư nợ 9.688 triệu đồng.

(2) Chưa thu thập đầy đủ chứng từ chứng minh nguồn thu nhập trả nợ hoặc chứng từ chứng minh nguồn thu nhập không đủ cơ sở kiểm chứng xác thực doanh thu đối với 05 khách hàng dư nợ 60.834 triệu đồng, gồm: (1) Nguyễn Quang Chính, dư nợ 14.621 triệu đồng, (2) Đàm Thị Tuyến, dư nợ 23.543 triệu đồng, (3) Đoàn Ngọc, dư nợ 5.200 triệu đồng, (4) Lê Văn Bá, dư nợ 3.761 triệu đồng (HĐTĐ số 529, 942, 287, 266); (5) Công ty TNHH Khang Minh Quân, dư nợ 13.709 triệu đồng.

(3) Chứng từ chứng minh phương án vay vốn chưa chặt chẽ, mục đích cho vay bổ sung bù đắp vốn mua BĐS khi chưa có Giấy chuyển nhượng QSDĐ 02 lô đất thửa 96 và 132, tờ bản đồ số 6 tại KP4, phường Quang Vinh, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mà chỉ có Vi bằng mua bán đối với khách hàng Lê Văn Bá, dư nợ 4.335 triệu đồng.

(4) Tại thời điểm cấp tín dụng chưa thu thập giấy phép kinh doanh theo quy trình hướng dẫn số 88/2022/QĐ-BĐH-CSTD ngày 19/01/2022 của HĐQT hoặc không giấy phép kinh các chứng từ chứng minh thể hiện việc kinh doanh của khách hàng; không thu thập các hợp đồng đầu ra chứng minh khả năng tài chính gồm khách hàng Phạm Thành Phát, dư nợ 26.500 triệu đồng; khách hàng kinh doanh hộ gia đình theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thu trung bình trên 30 tỷ đồng/tháng nhưng không có chứng từ thể hiện khách hàng là hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai theo quy định tại khoản 5 Điều 51 Luật Quản lý thuế 2019 dẫn đến các chứng từ mua bán đầu vào đầu ra, bảng kê, tờ khai thuế, sổ sách kế toán chưa đúng quy định. Ngoài ra không thu thập các chứng từ chứng minh nguồn trả nợ từ khách hàng như hợp đồng/hóa đơn bán hàng chỉ có bảng kê do khách hàng tự ghi: khách hàng Nguyễn Thị Kiều Oanh, dư nợ 94.000 triệu đồng.

Chi tiết cụ thể và trách nhiệm những người có liên quan được nêu tại Biểu 08-Tổng hợp vi phạm về hoạt động cho vay.

3.4. Về tài sản đảm bảo:

- SHB Đồng Nai chưa ký hợp đồng sửa đổi bổ sung/phụ lục hợp đồng và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký biện pháp đảm bảo đã đăng ký trong trường hợp khách hàng rút bớt tài sản tức nghĩa vụ bảo đảm thay đổi là chưa đúng theo quy định tại Điều 18, Điều 43 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm "...Các trường hợp đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm đã đăng ký: Người yêu cầu đăng ký nộp hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm đã đăng ký, nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: 1. Rút bớt, bổ sung hoặc thay thế bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm theo thỏa thuận của bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm; thay đổi tên hoặc thay đổi

bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm do tổ chức lại doanh nghiệp; 2. Rút bớt tài sản bảo đảm” đối với 02 khách hàng, dư nợ 9.336 triệu đồng, gồm: (1) Khách hàng Nguyễn Trường Hải, dư nợ 3.111 triệu đồng, (2) Khách hàng Lê Văn Quang, dư nợ 6.225 triệu đồng.

- Khoản vay đã quá hạn từ năm 2013 chuyển nợ nhóm 5. Tuy nhiên, các tài sản là hàng tồn kho và máy móc không được đánh giá lại theo quy định về hiện trạng, giá trị còn lại để tính toán trích lập theo quy định gồm khách hàng Công ty TNHH Tây Âu, dư nợ 1.768 triệu đồng.

Chi tiết cụ thể và trách nhiệm những người có liên quan được nêu tại Biểu 08-Tổng hợp vi phạm về hoạt động cho vay.

3.5. Về phân loại nợ:

SHB Đồng Nai thực hiện phân loại nợ không đúng quy định Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/07/2021 đối với 10 khách hàng, dư nợ sai phạm 269.043 triệu đồng, cụ thể:

S T T	Tên khách hàng	Số hợp đồng	Dư nợ tại thời điểm 31/12/2023 (triệu đồng)	Kỳ phân loại nợ/Kỳ trả nợ gốc	Nhóm phân loại nợ theo SHB Đồng Nai	Nhóm phân loại nợ theo Đoàn Thanh tra
1	Nguyễn Huy Phong	428/2021/HĐTDTDH-CN/SHB.130408 ngày 25/05/2021	3.558	Tháng 7/2022	1	4 (Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ)
				Tháng 9/2022	2	4 (Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ)
				Tháng 5/2023	1	2 (Khoản nợ quá hạn 15 ngày)
2	Tiêu Thị Nhớ	042/2023/HĐHM-CN/SHB.130400 ngày 20/03/2023	28.500	Tháng 8/2023 tháng 9/2023	1	2 (Khoản nợ quá hạn 90 ngày)
3	Công ty TNHH dịch vụ xây dựng M&H	159/2022/HĐTDTDH-PN/SHB.130400 ngày 28/04/2022	13.638	Tháng 12/2023	2	3 (Khoản nợ quá hạn 159 ngày)
		058/2023/HĐHM-PN/SHB.130400 ngày 28/03/2023	4.350		2	3 (Khoản nợ quá hạn trên 90 ngày)
4	Đặng Minh Hoàn	523/2021/HĐTDTDH-CN/SHB.130400 ngày 27/12/2021	1.520	Tháng 11/2023	2	3 (Khoản nợ chưa đáp ứng đủ điều kiện để điều chỉnh nhóm nợ thấp hơn). Khoản vay 3.000 đã tắt toán.
		061/2023/HĐHM-CN/SHB.130400 ngày 30/03/2023	3.000			
5	Nguyễn Văn Dạm	215/2021/HĐTDTDH-CN/SHB.130404 ngày 08/06/2021	5.936	Tháng 7, 9/2023	1	2 (Khoản nợ chưa đáp ứng đủ điều kiện để điều chỉnh nhóm nợ thấp hơn)
6	Hoàng Hữu Hùng	192/2022/HĐHM-CN/SHB.130400 ngày 24/05/2022	10.000	Tháng 12/2023	2	4 (Khoản nợ quá hạn 220 ngày)
7	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai – Kratie	090-2011-0077/HĐTDTDH-PN/SHB ĐNAI ngày 16/02/2011	7.020.000 USD (tương đương 170.853 triệu đồng, tỷ giá: 24.338 đồng/USD)	Tháng 6/2023	2	3 (Khoản nợ quá hạn 125 ngày từ 25/2/2023 đến 30/6/2023)
				Tháng 8/2023	2	3 (Khoản nợ quá hạn 96 ngày từ 25/5/2023 đến 29/8/2023)
8	Công ty TNHH thương mại Sản xuất Thiên Triệu An	103/2022/HĐHM-PN/SHB.130405 ngày 23/05/2022	9.000	Tháng 11/2023	2	3 (Khoản nợ quá hạn nợ lãi 128 ngày từ 25/7/2023 đến 30/11/2023)
9	Thần Phi Hoàng	075/2023/HĐHM-CN/SHB.130400 ngày 06/04/2023	9.000	Tháng 12/2023	3	4 (Khoản nợ quá hạn nợ lãi 188 ngày từ 26/6/2023 đến 31/12/2023, Quá hạn nợ gốc từ tháng 10/2023)
10	Thần Thị Dung	205/2022/HĐTDTDHC N/SHB.130400 ngày 24/05/2022	9.688	Tháng 12/2023	2	4 (Khoản vay quá hạn nợ lãi 199 ngày từ 15/6/2023 đến 31/12/2023 và quá hạn nợ gốc từ 18/10/2023)
		072/2023/HĐHM-CN/SHB.130400 ngày 06/04/2023				

Hành vi vi phạm về phân loại tài sản có không đúng quy định của pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 Mục 10 Chương II Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng: *“Điều 36. Vi phạm quy định về phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro. 1. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: ... a) Thực hiện phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng không đúng quy định của pháp luật; ...”*.

Đoàn thanh tra đã tiến hành lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính số 11/BB-VPHC ngày 25/5/2024 và chuyển hồ sơ tài liệu về Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. Cục trưởng Cục Thanh tra giám sát Ngân hàng II đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 834/QĐ-XPHC ngày 04/6/2024 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng với mức tiền phạt 350 triệu đồng.

Ngày 14/6/2024, SHB Đồng Nai đã chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 834/QĐ-XPHC ngày 04/6/2024 theo Lệnh chuyển có số LPSF140624589234.

Chi tiết cụ thể và trách nhiệm những người có liên quan được nêu tại Biểu 08-Tổng hợp vi phạm về hoạt động cho vay.

3.6. Về vi phạm khác:

- Đối với hồ sơ khoản vay cơ cấu nợ:

+ Đánh giá nguyên nhân cơ cấu nợ chung chung, xác định hoạt động kinh doanh của khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid nhưng chưa thu thập đầy đủ các tài liệu chứng minh hoạt động kinh doanh giảm sút; Thực hiện cơ cấu nợ khoản vay nhưng chưa thẩm định, đánh giá chặt chẽ chi tiết hoạt động sản xuất kinh doanh trước và sau khi cơ cấu nợ để làm cơ sở tin cậy xác định khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại là chưa đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 (đã được sửa đổi bởi Thông tư số 03/2021/TT-NHNN và Thông tư số 14/TT-NHNN) đối với 04 khách hàng, 04 khoản vay, dư nợ 80.530 triệu đồng, gồm: (1) Khách hàng Tiêu Thị Nhó, dư nợ 28.500 triệu đồng; (2) Khách hàng Nguyễn Huy Phong, dư nợ 3.558 triệu đồng; (3) Khách hàng Nguyễn Đức Nhân, dư nợ 18.472 triệu đồng; (4) Khách hàng Nguyễn Thành Chinh, dư nợ 30.000 triệu đồng.

+ Khách hàng Nguyễn Đức Thái, dư nợ 18.000 triệu đồng: khách hàng đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ ngày 15/8/2023. Nguyên nhân khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nguồn doanh thu/dòng tiền/lợi nhuận sụt giảm so với doanh thu/dòng tiền/lợi nhuận theo phương án trả nợ đề nghị vay vốn. Qua tài liệu đơn vị cung cấp ngoài nguyên nhân khó khăn từ nguồn thu nhập của Cty TNHH TMDV Vận tải Hùng Thái do khách hàng là người đại diện pháp nhân chưa trả nợ đúng hạn phải thực hiện cơ cấu còn do đơn vị kinh doanh xét duyệt cho vay đã định kỳ hạn cho vay không phù hợp, thực hiện đánh giá thực trạng tài chính doanh nghiệp chưa xem xét các tài liệu đầy đủ về hoạt động kinh doanh (tại thời điểm xét duyệt doanh nghiệp mất cân đối tài chính, vốn chủ sở hữu âm). Tuy nhiên,



khi thực hiện cơ cấu khoản vay SHB Đồng Nai chưa đánh giá đầy đủ, chi tiết các yếu tố như khả năng tài chính của khách hàng theo phương án cơ cấu, các rủi ro khách quan, chủ quan liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, các biện pháp/giải pháp cụ thể để khắc phục khó khăn trong hoạt động của Công ty, cải thiện tình hình tài chính so với thời điểm trước cơ cấu để đảm bảo thu hồi khoản nợ vay theo lịch trả nợ sau khi được cơ cấu.

3.7. Cảnh báo rủi ro:

(1) Công ty TNHH Phú Hùng Vương, dư nợ 13.000 triệu đồng: Khách hàng có khoản vay theo hạn mức tín dụng 13 tỷ đồng tại SHB Đồng Nai và phát sinh các khoản vay ngắn hạn tại các TCTD khác với cùng mục đích cho vay kinh doanh thương mại với số tiền 22 tỷ đồng, SHB Đồng Nai cần kiểm soát chặt chẽ các khoản giải ngân để đảm bảo không tài trợ cùng một nội dung với các TCTD khác.

(2) Khách hàng Ngô Mạnh Cường, dư nợ 21.889 triệu đồng: Ngành nghề kinh doanh của khách hàng thuộc lĩnh vực mua bán phế liệu, mùn cưa, giấy nhựa, gỗ dễ phát sinh cháy nổ, trong khi khách hàng chưa được cơ quan thẩm quyền xác nhận đảm bảo đủ điều kiện về phòng cháy chữa cháy, khuyến nghị khách hàng mua bảo hiểm cháy nổ phù hợp, giảm thiểu rủi ro phát sinh; Theo thông tin thẩm định ngoài hoạt động dưới hình thức hộ gia đình thì còn hoạt động/đại diện pháp lý Công ty TNHH TMDV XNK Thế Nam, đây là Công ty có cùng hoạt động có ngành nghề kinh doanh phế liệu, tái chế phế liệu...Tính minh bạch giữa các hoạt động kinh doanh của khách hàng và công ty tương đối khó phân biệt, việc đánh giá thông tin tài chính có thể bị trùng lặp. Ngoài ra, theo thông tin tra cứu CIC khách hàng phát sinh dư nợ lớn tại các TCTD khác 29 tỷ đồng, hoạt động kinh doanh giao dịch qua phương thức tiền mặt rất khó kiểm soát nguồn thu do đó SHB Đồng Nai cần tăng cường kiểm tra kiểm soát hoạt động kinh doanh đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng, phát hiện sớm các rủi ro và có biện pháp xử lý kịp thời.

(3) Khách hàng hoạt động theo mô hình Hộ kinh doanh, doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm lớn nhưng chứng từ chứng minh hoạt động sản xuất kinh doanh thiếu tin cậy, không có hóa đơn GTGT và hóa đơn mua bán hàng hóa (bao gồm cả trong trường hợp giao dịch mua bán với các Công ty), không thu thập báo cáo thuế để đảm bảo chứng minh chắc chắn doanh thu theo thẩm định, trong khi dòng tiền từ doanh thu là tiền mặt, chứng từ chứng minh hoạt động kinh doanh sơ sài, giao dịch chủ yếu trên tài khoản thanh toán là nguồn từ dòng tiền giải ngân khoản vay và nộp tiền mặt để trả toán khoản vay đến hạn cùng thời điểm, giao dịch mua bán kinh doanh ít phát sinh. Thông tin tài liệu xác thực việc sử dụng vốn đúng mục đích chưa hoàn toàn có tính vững chắc. Do đó, thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính cũng như hiệu quả phương án sử dụng vốn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro chưa phù hợp với báo cáo đề xuất và thẩm định. SHB Đồng Nai cần tăng cường kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát chặt chẽ mục đích vay trước và sau giải ngân, khuyến khích khách hàng chuyển doanh thu vào tài khoản nhằm kiểm soát theo dõi chất lượng khoản vay và có biện pháp xử lý kịp thời khi có dấu hiệu bất thường gồm: (1) Khách hàng Nguyễn Văn Sặc, dư nợ 12.000 triệu đồng, (2) Khách hàng Trần Văn Hiên, dư nợ 8.000 triệu đồng.

(4) Khách hàng có nguồn trả nợ chính là từ hoạt động kinh doanh, sản xuất nhưng hoạt động kinh doanh có dấu hiệu giảm sút hoặc hoạt động chăn nuôi có nhiều rủi ro như dịch bệnh, giá cả thị trường... SHB Đồng Nai cần thường xuyên kiểm tra hoạt động chăn nuôi/kinh doanh của khách hàng, đánh giá tình hình tài chính của khách hàng để sớm nhận diện những rủi ro hoặc dấu hiệu bất thường ảnh hưởng đến khả năng trả nợ và có biện pháp xử lý phù hợp nhằm hạn chế rủi ro (nếu có) xảy ra gồm: (1) Khách hàng Trần Anh Khoa, dư nợ 10.500 triệu đồng, (2) Khách hàng Đinh Thanh Hùng, dư nợ 15.999 triệu đồng.

(5) Các rủi ro, hạn chế trong hoạt động kinh doanh của khách hàng đã được phòng thẩm định nêu tại báo cáo thẩm định về hoạt động kinh doanh của khách hàng chưa có đầy đủ thông tin để đánh giá quy mô, hiệu quả hoạt động kinh doanh của khách hàng hoặc các rủi ro về hoạt động kinh doanh của khách hàng đã được phòng thẩm định đánh giá cụ thể và đề ra một số biện pháp kiểm soát rủi ro. Tuy nhiên, đơn vị chưa có các biện pháp, phương án ngăn ngừa nhằm hạn chế những rủi ro, cảnh báo của phòng Thẩm định đã nêu. Để hạn chế rủi ro cho ngân hàng, đề nghị đơn vị thực hiện một số biện pháp như thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động của khách hàng; thu thập chứng từ hoạt động kinh doanh (sổ sách ghi chép, hóa đơn chứng từ, hình ảnh kinh doanh của khách hàng, chứng từ nộp thuế...); thường xuyên theo dõi/kiểm soát dòng tiền từ hoạt động kinh doanh hoặc thực hiện một số biện pháp theo đề xuất của phòng Thẩm định để có biện pháp xử lý kịp thời (nếu có xảy ra các rủi ro) đồng thời thực hiện đánh giá lại thực trạng hoạt động kinh doanh của khách hàng để xác định nhu cầu vốn của khách hàng, từ đó điều chỉnh hạn mức cấp tín dụng phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh của khách hàng, tránh trường hợp cho vay vượt quá nhu cầu vốn của khách hàng, không kiểm soát được dòng tiền của khách hàng, gồm (1) Phạm Thế Vinh, dư nợ 2.689 triệu đồng; (2) Công ty TNHH Xây dựng công trình Tín Đạt, dư nợ 19.400 triệu đồng; (3) Nguyễn Văn Huy, dư nợ 29.500 triệu đồng; (4) Nguyễn Thị Dung, dư nợ 7.200 triệu đồng; (5) Lê Văn Quang, dư nợ 6.225 triệu đồng; (6) Công ty TNHH Bá Lộc, dư nợ 8.000 triệu đồng; (7) Nguyễn Trường Hải, dư nợ 7.631 triệu đồng; (8) Nguyễn Văn Đạm, dư nợ 5.936 triệu đồng; (8) Nguyễn Thị Thùy Trang, dư nợ 9.500 triệu đồng; (9) Lê Thị Kim Ngọc, dư nợ 30.000 triệu đồng

(6) Khách hàng Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai – Kratie, dư nợ 170.853 triệu đồng: SHB Đồng Nai cho khách hàng vay dài hạn để đầu tư ra nước ngoài, thực hiện dự án trồng cao su tại Campuchia. Theo khuyến cáo của Đoàn Thanh tra theo Quyết định số 113/QĐ-ĐNA.TTGS ngày 12/7/2019 đã đề nghị “SHB Đồng Nai cần có biện pháp quản lý chặt chẽ dòng tiền của dự án; tăng cường tần suất theo dõi, kiểm tra, đánh giá hiệu quả dự án cũng như tình hình tài chính của khách hàng nhằm phát hiện kịp thời các vấn đề bất thường ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng để có giải pháp tín dụng phù hợp, đảm bảo thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi, góp phần tăng hiệu quả và an toàn hoạt động của Chi nhánh”. Tuy nhiên, trong thời gian từ 31/3/2019 đến 31/12/2023, SHB Đồng Nai chỉ thực hiện kiểm tra định kỳ 1 năm/lần, chưa có biện pháp quản lý chặt chẽ dòng tiền của dự án. Đề nghị SHB Đồng Nai có biện pháp quản lý chặt chẽ dòng tiền của dự án, tăng tần suất kiểm tra (định kỳ quý) để đánh giá hiệu quả dự án cũng như tình hình tài



chính của khách hàng nhằm phát hiện kịp thời các vấn đề bất thường ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng để có giải pháp tín dụng phù hợp, đảm bảo thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi, góp phần tăng hiệu quả và an toàn hoạt động của Chi nhánh.

(7) Công ty TNHH DVXD M&H, dư nợ 17.987 triệu đồng: Các chỉ số tài chính trên báo cáo cân đối kế toán năm 2021, năm 2022 thể hiện doanh nghiệp hoạt động chưa hiệu quả và mất cân đối tài chính, khả năng thanh toán hiện hành, khả năng thanh toán nhanh <1, phụ thuộc hoàn toàn vào nợ vay, áp lực tài chính cao, nguồn vốn chủ sở hữu năm 2022 là 216 triệu đồng trong khi nợ vay 26.238 triệu đồng, chiếm 89,84% nguồn vốn hoạt động dẫn đến tình hình tài chính của công ty đang có dấu hiệu rủi ro cao. Bên cạnh đó tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty là xe cơ giới (xe ô tô tải, xe máy chuyên dùng) mang tính đặc thù theo ngành nghề, khó quản lý, tính đảm bảo của tài sản này cho khoản vay thấp vì bị giới hạn đối tượng mua bán dẫn đến việc thu hồi phát mãi tài sản khó khăn hơn, bất lợi trong quá trình xử lý, thu hồi nợ. Vì vậy, đề nghị SHB Đồng Nai đánh giá chặt chẽ tài chính của khách hàng, thường xuyên theo dõi về tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính của công ty nhằm tăng cường kiểm soát rủi ro tín dụng, cần đôn đốc khách hàng có biện pháp cụ thể tái cấu trúc tài chính nhằm cải thiện khả năng sinh lời đồng thời tăng tần suất định giá lại tài sản đảm bảo. Trường hợp hoạt động kinh doanh của Công ty không cải thiện/chất lượng tài sản đảm bảo có dấu hiệu xuống cấp, trên cơ sở đánh giá tổng thể tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đề nghị SHB Đồng Nai có biện pháp tín dụng phù hợp, giảm dư nợ tương ứng với quy mô, khả năng tài chính của khách hàng nhằm đảm bảo an toàn vốn vay đối với khoản vay.

4. Thanh tra việc chấp hành quy chế bảo lãnh; hoạt động chiết khấu.

4.1. Các quy trình, quy định nội bộ về bảo lãnh, chiết khấu

SHB đã ban hành một số quy định như: Quy định chi tiết một số điều tại Quy chế bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội số 536/2023/QĐ-TGD ngày 18/04/2023, Quy chế bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội số 99/2023/QĐ-HĐQT ngày 18/04/2023, Quy định thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh số 95/2020/QĐ-HĐQT ngày 29/04/2020.

- Theo số liệu báo cáo, thực trạng cấp bảo lãnh tại SHB Đồng Nai qua một số thời điểm như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2021	Thời điểm 31/12/2022	Thời điểm 31/12/2023	So sánh thời điểm 31/12/2023 với			
					31/12/2021		31/12/2022	
					Số tiền	%	Số tiền	%
I	Tổng dư nợ bảo lãnh	365.043	348.972	393.017	28.533	70,0%	18.662	36,8%
	Trong đó							
1	Bảo lãnh vay vốn	-	-	-	-		-	
2	Bảo lãnh thanh toán	40.774	50.645	69.307	28.533	70,0%	18.662	36,8%
3	Bảo lãnh dự thầu	14.702	14.602	9.162	(5.540)	-37,7%	(5.440)	-37,3%
4	Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	51.018	63.783	72.149	21.131	41,4%	8.366	13,1%
5	Bảo lãnh đảm bảo chất lượng sản phẩm	30.575	37.842	24.192	(6.383)	-20,9%	(13.650)	-36,1%
6	Bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước	227.974	182.100	218.207	(9.767)	-4,3%	36.107	19,8%

7	Bảo lãnh đối xứng				-	-	-	-
8	Xác nhận bảo lãnh				-	-	-	-
9	Bảo lãnh khác							
II	Dư nợ cho vay bất buộc	-	-	-	-	-	-	-
1	Nội tệ (VND)	-	-	-	-	-	-	-
2	Ngoại tệ (Quy VND)	-	-	-	-	-	-	-

Các loại bảo lãnh phát sinh chủ yếu là bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước. Trong quá trình thực hiện bảo lãnh, SHB Đồng Nai chưa phát sinh trường hợp phải thực hiện trả thay khoản bảo lãnh đối với khách hàng.

4.2. Kết quả kiểm tra hồ sơ cấp bảo lãnh:

Tiến hành kiểm tra chọn mẫu việc thực hiện cấp bảo lãnh cho 05 khách hàng, tổng số dư bảo lãnh thời điểm 31/12/2023 là 52.784 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 13,4% tổng số dư bảo lãnh, cụ thể: (1) Công ty TNHH Xuân Quý, số dư 100 triệu đồng; (2) Công ty TNHH MTV Tân Phát Hoàng Minh, số dư 741 triệu đồng; (3) Công ty TNHH Đức Việt Thành, số dư 761 triệu đồng; (4) Công ty TNHH XD Công trình Tín Đạt, dư nợ 206 triệu đồng; (5) Công ty TNHH Bá Lộc, số dư 50.977 triệu đồng.

Kết quả kiểm tra SHB Đồng Nai chấp hành quy định về nghiệp vụ bảo lãnh tại Thông tư số 07/2015/TT-NHNN ngày 25/6/2015 của Ngân hàng Nhà nước quy định về bảo lãnh ngân hàng và Thông tư số 13/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2015/TT-NHNN.

5. Thanh tra việc thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro; Xử lý nợ có vấn đề và thu hồi nợ ngoại bảng sau khi xử lý rủi ro

5.1. Về phân loại nợ, trích lập dự phòng

SHB Đồng Nai thực hiện quy trình phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo Quyết định số 174.1/QĐ-HĐQT ngày 29/5/2014 của Hội đồng quản trị SHB, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2014, phù hợp với quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của NHNN Việt Nam quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (đã hết hiệu lực từ ngày 01/10/2021).

SHB Đồng Nai thực hiện quy trình phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo Quyết định số 371/2021/QĐ-HĐQT ngày 20/10/2021 của Hội đồng quản trị SHB, phù hợp với quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của NHNN Việt Nam quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

5.1.1. Thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng

SHB Đồng Nai thực hiện rà soát, đánh giá và thực hiện việc phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng rủi ro ít nhất mỗi tháng một lần và căn cứ kết quả điều chỉnh nhóm nợ theo CIC, SHB điều chỉnh số tiền trích lập dự phòng rủi ro của tháng cuối cùng của quý. SHB Đồng Nai không hạch toán số liệu về trích lập DPRR cho vay, chi phí dự phòng rủi ro tín dụng được Hội sở SHB phân bổ vào kết quả kinh doanh của Chi nhánh. Theo hồ sơ, tài liệu SHB Đồng Nai cung cấp, tình hình phân loại nợ, trích lập DPRR và sử dụng DPRR tại một số thời điểm, như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2020			Thời điểm 31/12/2021			Thời điểm 31/12/2022			Thời điểm 31/12/2023		
	Dư nợ	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Dư nợ	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Dư nợ	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Dư nợ	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1. Tổng dư nợ nội bảng	5.106.499	38.046	17.109	6.726.203	50.291	29.750	6.321.973	46.908	38.602	5.385.078	39.700	54.872
2. Phân loại nợ	5.106.499	38.046	17.109	6.726.203	50.291	29.750	6.321.973	46.908	38.602	5.385.078	39.700	54.872
- Nhóm 1	4.681.188	35.109		6.634.223	49.757		5.905.105	44.288		5.107.051	38.303	
- Nhóm 2	376.323	2.822	4.535	37.006	278	542	308.400	2.313	2.286	117.338	880	2.275
- Nhóm 3	6.655	50	311	24.485	184	13.784	12.781	96	322	26.713	200	15.185
- Nhóm 4	8.602	65	852	9.576	72	10.497	28.156	211	4.039	42.238	317	6.564
- Nhóm 5	33.731		11.411	20.913		4.927	67.531		31.955	91.738		30.848
3. Nợ xấu	48.988			54.974			108.468			160.689		
Tỷ lệ nợ xấu	8,3%			1,4%			6,6%			5,2%		
4. Dự phòng rủi ro tín dụng												
- Dự phòng chung		38.046			50.291			46.908			39.700	
- Dự phòng cụ thể			17.109			29.750			38.602			

Kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng rủi ro sau khi điều chỉnh nhóm nợ theo CIC qua một số thời điểm trong thời kỳ thanh tra như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2021		Thời điểm 31/12/2022		Thời điểm 31/12/2023		
	Số liệu báo cáo của SHB	Số liệu của đoàn thanh tra	Số liệu báo cáo của SHB	Số liệu của đoàn thanh tra	Số liệu báo cáo của SHB	Số liệu của đoàn thanh tra	Chênh lệch
1. Tổng dư nợ nội bảng	6.727.719	6.727.719	6.321.974	6.321.974	5.385.077	5.385.077	
- Nhóm 1	6.548.686	6.548.686	5.838.437	5.838.437	4.981.973	4.981.973	
- Nhóm 2	111.767	111.767	370.202	370.202	202.060	162.865	39.195
- Nhóm 3	32.959	32.959	14.924	14.924	54.342	64.894	-10.507
- Nhóm 4	13.205	13.205	30.768	30.768	53.150	81.838	-28.688
- Nhóm 5	21.102	21.102	67.643	67.643	93.552	93.552	
2. Nợ xấu	67.266	67.266	113.335	113.335	201.044	240.239	39.195
Tỷ lệ nợ xấu	1,00%	1,00%	1,79%	1,79%	3,73%	4,46%	0,73%
4. Dự phòng rủi ro tín dụng							
- Dự phòng chung	50.287	50.300	46.651	46.907	39.548	39.686	
- Dự phòng cụ thể	29.751		38.603		54.873	57.922	3.049

Qua bảng số liệu trên nhận thấy số tiền trích lập dự phòng chung đối với các nhóm nợ sau khi điều chỉnh theo CIC theo báo cáo của SHB trong thời kỳ thanh tra chênh lệch so với số liệu kiểm tra của đoàn thanh tra. Theo báo cáo của SHB Đồng Nai, phần chênh lệch trích thiếu số tiền trích lập dự phòng chung trong thời kỳ thanh tra là số tiền được hoàn nhập dự phòng chung đối với các khoản vay trích dự phòng cụ thể nhóm 5 theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19 và các Thông tư sửa đổi, bổ sung. Tại thời điểm 31/12/2023, đối với các khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn, SHB Đồng Nai đã chủ động trích đầy đủ dự phòng cho các khoản vay được cơ cấu, trước 01 năm so với thời hạn quy định.

5.1.2. Kết quả thanh tra

Kết quả kiểm tra hồ sơ vay vốn trong thời gian thanh tra nhận thấy có 10 hồ sơ vay của khách hàng thực hiện phân loại nợ chưa đúng theo quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của NHNN Việt Nam quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được nêu tại mục 3.4 phần II Kết quả kiểm tra, xác minh.

Đến thời điểm 31/12/2023, Chi nhánh đã thực hiện phân loại nợ theo quy định đối với 05 khách hàng còn 05 khách hàng chưa phân loại nợ đúng quy định phải thực hiện trích lập dự phòng cụ thể bổ sung với số tiền 3.049 triệu đồng (chi tiết tại Phụ lục 12- Biểu trích lập dự phòng rủi ro đính kèm).

5.2. Về tình hình xử lý nợ xấu, thu hồi nợ đã xử lý rủi ro.

5.2.1. Tình hình xử lý nợ xấu:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Hình thức xử lý nợ xấu	Số tiền đã xử lý được nợ xấu tính đến thời điểm			
		31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023
1	Khách hàng thực hiện trả nợ	24.812	16.730	31.301	83.910
2	Bán, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ	16.922	0	0	0
3	Sử dụng dự phòng rủi ro	2.094	417	0	0
4	Bán nợ xấu (bán cho VAMC, bán cho tổ chức khác, bán cho DATC...)	0	32.126	0	0
5	Hình thức xử lý nợ xấu khác	0	0	0	0
Tổng số nợ xấu đã xử lý trong năm		43.829	49.274	31.301	83.910

Từ năm 2021 đến 31/12/2023 SHB Đồng Nai xử lý nợ xấu chủ yếu thông qua các hình thức khách hàng trả nợ, sử dụng dự phòng, bán nợ...

- Với nhiều biện pháp thu hồi nợ xấu được áp dụng, việc thu hồi nợ xấu hàng năm đạt kết quả tương đối tốt. Tuy nhiên, đến thời điểm thanh tra tỷ lệ nợ xấu là 3,73% ở mức cao cần cảnh báo.

- Nguyên nhân phát sinh nợ xấu:

+ Nguyên nhân khách quan: Dịch bệnh Covid-19 làm ảnh hưởng nặng nề đến tình hình sản xuất, kinh doanh của khách hàng, một số khách hàng nguồn thu giảm sút do nguồn tiền chậm trả từ đối tác.

+ Nguyên nhân chủ quan: việc đánh giá thu thập chứng từ chứng minh khả năng trả nợ của khách hàng chưa được thực hiện đầy đủ, phân tích tình hình tài chính, chưa đánh giá rủi ro của khách hàng khi xem xét đến các chỉ tiêu trọng yếu ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh để chủ động xem xét trong việc cấp tín dụng, việc kiểm tra giám sát sau cho vay chưa chặt chẽ để kịp thời phát hiện các dấu hiệu bất thường dẫn đến rủi ro mất vốn.

- Nguyên nhân xử lý kéo dài, khó khăn vướng mắc trong việc xử lý các khoản nợ quá hạn: Địa chỉ của người vay khác với địa chỉ nơi có tài sản đảm bảo nên Cơ quan Tòa án/Thị hành án cần phải thực hiện thủ tục ủy thác thu thập chứng cứ, xác minh để giải quyết theo quy định dẫn đến việc khởi kiện/thị hành án bị kéo dài; Khách hàng chây ì, chống đối, không hợp tác trong quá trình xử lý nợ; Đối với tài sản thế chấp là phương tiện vận tải, hiện khách hàng đã tẩu tán, cầm cố, cất giấu không hợp tác cung cấp thông tin cho Ngân hàng cũng như Cơ quan Tòa án/Thị hành án dẫn đến việc khởi kiện/thị hành án bị kéo dài.

5.2.2. Sử dụng dự phòng rủi ro: Tình hình sử dụng dự phòng rủi ro trong thời kỳ thanh tra như sau:

- Thời điểm 31/12/2020, số nợ gốc được dùng dự phòng rủi ro để xử lý đang hạch toán ngoại bảng là 10.732 triệu đồng, bao gồm 19 khách hàng trong đó 10 khách hàng tổ chức và 9 khách hàng cá nhân. Trong kỳ từ 01/01/2020 đến 31/12/2020, Chi nhánh đã dùng dự phòng để xử lý cho 3 khách hàng với số tiền 1.981 triệu đồng. Đồng thời thu hồi nợ gốc đã xử lý rủi ro được 2 khách hàng với số tiền 824 triệu đồng.

- Thời điểm 31/12/2021, số nợ gốc được dùng dự phòng rủi ro để xử lý đang hạch toán ngoại bảng là 11.104 triệu đồng, bao gồm 22 khách hàng. Trong kỳ từ 01/01/2021 đến 31/12/2021, Chi nhánh đã dùng dự phòng để xử lý cho 4 khách hàng với số tiền 417 triệu đồng. Đồng thời thu hồi nợ gốc đã xử lý rủi ro được 2 khách hàng với số tiền 44 triệu đồng.

- Thời điểm 31/12/2022, số nợ gốc được dùng dự phòng rủi ro để xử lý đang hạch toán ngoại bảng là 10.969 triệu đồng, bao gồm 21 khách hàng. Trong kỳ từ 01/01/2022 đến 31/12/2022, Chi nhánh không phát sinh thêm khách hàng phải sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro. Đồng thời thu hồi nợ gốc đã xử lý rủi ro được 01 khách hàng với số tiền 135 triệu đồng.

- Thời điểm 31/12/2023, số nợ gốc được dùng dự phòng rủi ro để xử lý đang hạch toán ngoại bảng là 10.951 triệu đồng, bao gồm 20 khách hàng. Trong kỳ từ 01/01/2023 đến 31/12/2023, Chi nhánh không phát sinh thêm khách hàng phải sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro. Đồng thời thu hồi nợ gốc đã xử lý rủi ro được 1 khách hàng với số tiền 17 triệu đồng.

5.2.2. Về theo dõi, giám sát và xử lý nợ xấu nợ có vấn đề

Việc theo dõi, giám sát và xử lý các khoản vay có vấn đề, Chi nhánh cơ bản bám sát các nội dung theo quy định nội bộ số 157/2019/QĐ-HĐQT ngày 12/6/2019

của HĐQT về quy định về Quản lý và xử lý Nợ có vấn đề; Quyết định số 142/2022/QĐ-HĐQT ngày 04/7/2022 của HĐQT ban hành quy định miễn, giảm lãi tiền vay, phí cho khách hàng tại SHB; Quyết định số 387/2023/QĐ-HĐQT ngày 23/11/2023 của HĐQT ban hành quy định về thẩm quyền phê duyệt quản lý và xử lý nợ rủi ro có vấn đề. Tuy nhiên, công tác theo dõi, giám sát và xử lý nợ xấu còn tồn tại một số vấn đề như sau:

- *Khách hàng Mai Thị Ngọc Hằng, dư nợ 2.814 triệu đồng*: khoản vay phát sinh nợ nhóm 2 nhưng chưa có biên bản làm việc với khách hàng để kiểm tra thực tế nguồn trả nợ, tài sản đảm bảo, đánh giá khả năng trả nợ và thu hồi nợ cho SHB, biên bản đôn đốc nhắc nợ, thông báo quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn cho khách hàng theo quy định nội bộ về quy trình theo dõi và xử lý nợ có vấn đề.

5.2.3. Kết quả kiểm tra chọn mẫu hồ sơ xử lý rủi ro

Qua kết quả kiểm tra chọn mẫu 04 hồ sơ xử lý rủi ro với số tiền 4.448 triệu đồng trong thời kỳ thanh tra, SHB Đồng Nai đã thực hiện việc xử lý rủi ro phù hợp với các quy định hiện hành. Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại liên quan đến việc cấp tín dụng đối với Khách hàng Công ty TNHH Hiệu Hoàng. Cụ thể:

- *Thẩm định và xét duyệt cấp tín dụng*: Thực hiện xét duyệt cho vay khi căn cứ là phương án vay vốn và khả năng trả nợ của khách hàng chưa đủ tính tin cậy nhưng chưa có các biện pháp giảm thiểu rủi ro đối với các rủi ro có thể xảy ra:

+ Thẩm định nguồn thu nhập một phần từ nhận xây dựng nhà xưởng công trình nhưng hoạt động trên không được cấp phép trong giấy phép hoạt động của Công ty, thẩm định số liệu doanh thu và chi phí nhưng không có cơ sở tài liệu chứng minh, không có hợp đồng, hóa đơn đầu ra-đầu vào chứng minh hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Các khoản mục tại báo cáo tài chính chưa rõ ràng minh bạch: Công ty được thành lập trên cơ sở từ hộ kinh doanh gia đình, hoạt động kinh doanh không xuất hóa đơn mua bán phải thực hiện thông qua các Công ty khác nhờ xuất hóa đơn tính xác thực không đảm bảo, các khoản mục phải thu-phải trả, hàng tồn kho không có xác nhận của các đối tác, các phiếu nhập kho hàng hóa, phiếu xuất bán hàng, báo cáo tài chính nội bộ do Công ty cung cấp nhưng không có tài liệu chứng minh quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh tương xứng, không thu thập báo cáo nộp thuế với cơ quan nhà nước.

- *Cấp hạn mức tín dụng*: SHB Đồng Nai cấp hạn mức tín dụng dựa trên doanh thu dự kiến năm 2012-2013 là 20.400 triệu đồng nhưng chưa đánh giá được tính khả thi của việc triển khai phương án.

- *Kiểm tra giám sát sau vay*: Chưa thu thập đầy đủ chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn để làm cơ sở giải ngân vốn vay; Không thu thập bảo hiểm tái tục đối với nhà xưởng là tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay của khách hàng tại SHB Đồng Nai; Kiểm tra giám sát sau vay nhưng chưa thu thập chứng từ chứng minh hoạt động sản xuất kinh doanh như hóa đơn mua bán, hợp đồng đầu ra đầu vào, phiếu giao nhận hàng hóa.

- *Đánh giá về khả năng thu hồi khoản vay*: các khoản vay khó có khả năng thu hồi, khách hàng đã được thi hành án để xử lý tài sản tuy nhiên nguồn tiền thu được từ tài sản xử lý không đủ bù đắp khoản vay tại SHB Đồng Nai.

- *Đánh giá nguyên nhân để xảy ra nợ xấu*: Bên cạnh nguyên nhân khách quan từ phía khách hàng như hoạt động kinh doanh gặp khó khăn dẫn đến thu nhập không đủ đảm bảo khả năng trả nợ, một phần nguyên nhân từ phía ngân hàng cho vay đối với khách hàng chưa đáp ứng đầy đủ các quy định về thẩm định và kiểm tra, giám sát vốn vay là nguyên nhân dẫn đến nợ xấu.

II. Thanh tra hoạt động phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố (PCRT, TTKB)

1. Việc xây dựng quy định nội bộ về PCRT, TTKB

Từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2023, SHB Đồng Nai thực hiện triển khai công tác phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố theo chính sách, quy trình nội bộ về hoạt động PCRT, TTKB do Hội sở SHB ban hành cụ thể một số quy định hiện hành như sau: Quyết định số 138/2020/QĐ-HĐQT ngày 22/06/2020 về việc ban hành Quy định phòng chống rửa tiền của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội; Quyết định số 58.1/QĐ-HĐQT ngày 01/03/2023 về việc ban hành Quy định phòng, chống rửa tiền của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội thay thế Quyết định số 138/2020/QĐ-HĐQT ngày 22/06/2020; Quyết định số 399.1/2023/QĐ-HĐQT ngày 01/12/2023 về việc ban hành Quy định phòng, chống rửa tiền của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội thay thế Quyết định số 58.1/QĐ-HĐQT ngày 01/03/2023.

Các quy định nội bộ đảm bảo nội dung và phù hợp theo quy định pháp luật có liên quan. Quy định được cập nhật, bổ sung, chỉnh sửa kịp thời khi có các yếu tố tác động liên quan đến rủi ro rửa tiền, tài trợ khủng bố và được phổ biến đến các bộ phận, cá nhân để thực hiện công tác phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.

2. Việc phân công cán bộ, bộ phận chịu trách nhiệm về PCRT, TTKB

Đối với việc bố trí cán bộ, bộ phận chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền, SHB có bố trí một thành viên Ban lãnh đạo (Bà Ninh Thị Lan Phương - Phó Tổng Giám đốc kiêm Người quản lý, chỉ đạo công tác PCRT) chịu trách nhiệm về tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền tại đơn vị. Tại Đơn vị kinh doanh các đầu mối triển khai công tác PCRT theo Công văn số 511/CV-PCRT ngày 09/03/2015. Đối với hệ thống mạng lưới Chi nhánh/Phòng giao dịch, phụ trách ĐVKD chịu trách nhiệm về công tác PCRT tại đơn vị, bao gồm hoạt động quản lý, kiểm soát, phê duyệt các báo cáo gửi lên phòng PCRT để phối hợp xử lý. Phụ trách ĐVKD có trách nhiệm cử cán bộ đầu mối để phối hợp với Phòng PCRT. Đầu mối công tác PCRT tại ĐVKD là người phụ trách phòng Dịch vụ khách hàng.

3. Về nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng

Trong công tác nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng, SHB đã có quy trình, thủ tục nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng tại Quyết định số 399.1/2023/QĐ-HĐQT ngày 01/12/2023 (trước đó là Quyết định số 58.1/QĐ-HĐQT ngày 01/03/2023 và Quyết định số 138/2020/QĐ-HĐQT ngày 22/06/2020) và các quy trình nghiệp vụ cụ thể. Cụ thể, SHB Đồng Nai thực hiện nhận biết

khách hàng đối với các trường hợp khách hàng mở tài khoản hoặc thiết lập quan hệ giao dịch với ngân hàng, khách hàng lần đầu thiết lập mối quan hệ với ngân hàng nhằm sử dụng sản phẩm, dịch vụ do ngân hàng cung cấp, khách hàng thực hiện giao dịch chuyển tiền điện tử nhưng thiếu thông tin về tên, địa chỉ hoặc số tài khoản của người khởi tạo, khách hàng thực hiện các giao dịch bất thường với giá trị lớn hoặc giao dịch chuyển tiền điện tử nhưng thiếu thông tin về tên, địa chỉ hoặc số tài khoản của người khởi tạo, có nghi ngờ rằng các giao dịch hoặc các bên liên quan đến giao dịch có liên quan đến các hoạt động rửa tiền, có nghi ngờ về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin để xác định khách hàng đã thu thập trước đó,...Ngoài ra, SHB Đồng Nai thực hiện kiểm tra thông tin của khách hàng trước khi giao dịch với khách hàng trên hệ thống tự động phòng, chống rửa tiền Siron KYC.

Kết quả kiểm tra nhận thấy SHB Đồng Nai thực hiện thông tin nhận biết khách hàng thực hiện theo quy định tại Điều 9 Luật PCRT năm 2022 và khoản 1 Điều 6 Nghị định số 19/2023/NĐ-CP ngày 28/4/2023; Cập nhật, bổ sung thông tin nhận biết khách hàng để đảm bảo sự hiểu biết đầy đủ về khách hàng trong suốt thời gian thiết lập mối quan hệ với khách hàng theo quy định tại Điều 10 Luật PCRT năm 2012, Điều 34 Luật PCKB năm 2013 và Điều 6 Nghị định số 19/2023/NĐ-CP ngày 28/4/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền.

Kết quả kiểm tra chọn mẫu chứng từ các giao dịch trong các tháng 10/2023, 09/2023, 08/2023, 10/2022, 10/2021 nhận thấy: Các khoản giao dịch mở tài khoản, giao dịch chuyển tiền, chứng từ đều có ghi nhận đầy đủ thông tin khách hàng, đầy đủ các thông tin nhận biết, có lưu giữ bản photo chứng minh nhân dân, căn cước công dân, passport của khách hàng khi đến giao dịch nộp, rút, chuyển tiền tại SHB Đồng Nai; Các thông tin dữ liệu đều có trong các file báo cáo trên hệ thống PCRT, TTKB theo quy định.

4. Phân loại khách hàng trên cơ sở rủi ro

SHB phân loại khách hàng theo 03 mức độ rủi ro cao, trung bình, thấp. Việc phân loại rủi ro khách hàng được hệ thống phòng chống rửa tiền phân loại tự động, dựa trên các tiêu chí: vị trí địa lý, loại khách hàng, sản phẩm, dịch vụ, ngành nghề khách hàng (nghề nghiệp đối với khách hàng cá nhân và ngành nghề kinh doanh đối với khách hàng tổ chức). Đối với các khách hàng bị đánh giá rủi ro cao, các đơn vị kinh doanh cần áp dụng các biện pháp đánh giá tăng cường. Các quy định về đánh giá tăng cường với khách hàng rủi ro cao được quy định cụ thể tại Quyết định số 399.1/2023/QĐ-HĐQT ngày 01/12/2023 (trước đó là Quyết định số 58.1/QĐ-HĐQT ngày 01/03/2023 và Quyết định số 138/2020/QĐ-HĐQT ngày 22/06/2020).

Trong thời kỳ thanh tra, tại SHB Đồng Nai và các PGD trực thuộc không phát sinh khách hàng có rủi ro Cao.

5. Rà soát khách hàng và giao dịch theo danh sách đen, danh sách cảnh báo

Việc rà soát khách hàng và giao dịch theo danh sách cảnh báo, SHB đã ban hành Quyết định số 2235/QĐ-TGD ngày 27/6/2018 về quy trình nhận biết khách



hàng trên hệ thống phòng, chống rửa tiền. Hệ thống phòng chống rửa tiền (Siron) tại SHB được triển khai với đủ cả 3 phân hệ Embargo (kết nối với hệ thống SWIFT, ngăn chặn, cảnh báo các giao dịch chuyển tiền đi quốc tế); KYC (cung cấp công cụ để giao dịch viên có thể kiểm tra tính trong sạch của khách hàng trước khi giao dịch với khách hàng đó); AML (thu thập xử lý dữ liệu khách hàng, giao dịch từ nhiều nguồn khác nhau theo các quy định của SHB để thực hiện đánh giá rủi ro khách hàng). Trước khi thiết lập mối quan hệ hoặc cung cấp các dịch vụ ngân hàng cho khách hàng, thực hiện các lệnh chuyển tiền thanh toán ra nước ngoài, cán bộ SHB có thực hiện rà soát khách hàng và các bên có liên quan trên hệ thống Siron KYC. Nguồn danh sách SHB sử dụng bao gồm các danh sách cấm vận quốc tế (OFAC, EU, UN), danh sách cá nhân có ảnh hưởng chính trị, danh sách đen, danh sách cảnh báo...

Theo báo cáo của SHB Đồng Nai trong thời kỳ thanh tra, Chi nhánh chưa phát sinh thực hiện báo cáo và áp dụng biện pháp tạm thời đối với các khách hàng theo danh sách đen do Bộ Công an và danh sách cảnh báo do NHNN Việt Nam công bố.

6. Về thực hiện các loại báo cáo

6.1. Báo cáo giao dịch lớn: có mức giá trị từ VND 300 triệu đồng, từ thời điểm 01/12/2023, mức giá trị phải báo cáo là VND 400 triệu đồng; Việc thực hiện báo cáo giao dịch giá trị lớn được thực hiện hàng ngày, do Phòng PCRT - Hội sở chính thực hiện, truyền file báo cáo điện tử lên NHNN qua phần mềm gửi báo cáo TramlClient. Báo cáo điện tử được xuất tự động, bao gồm toàn bộ các giao dịch của tất cả các KH trên toàn hệ thống SHB.

- Báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử theo quy định tại Điều 23 Luật PCRT, khoản 3 Điều 1 Thông tư số 31/2014/TT-NHNN của NHNN Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 35/2013/TT-NHNN của NHNN Việt Nam; Thời hạn, phương thức báo cáo theo quy định tại Điều 25, 26 Luật PCRT, Điều 36, Điều 37 Luật PCRT 2022 và Điều 16 Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 04/10/2013 của Chính phủ, Điều 10 Thông tư số 35/2013/TT-NHNN của NHNN Việt Nam.

6.2. Về báo cáo giao dịch đáng ngờ: Tại ĐVKD, khi phát hiện ra các giao dịch đáng ngờ, sẽ thu thập thêm thông tin, phân tích và đánh giá giao dịch. Khi ĐVKD có cơ sở hợp lý để nghi ngờ giao dịch có liên quan đến rửa tiền, ĐVKD thực hiện báo cáo giao dịch với Phòng PCRT tại Hội sở chính. Phòng PCRT sẽ điều tra và đánh giá lại giao dịch. Trường hợp Phòng PCRT xác định đây là giao dịch/hành vi đáng ngờ thì ngay lập tức thực hiện báo cáo giao dịch đáng ngờ và trình người quản lý chỉ đạo công tác PCRT phê duyệt để báo cáo NHNN. Trong thời kỳ thanh tra, SHB Đồng Nai chưa phát sinh các giao dịch đáng ngờ cần phải báo cáo.

7. Việc áp dụng biện pháp tạm thời theo quy định

Trong thời kỳ thanh tra, SHB Đồng Nai chưa phát sinh các giao dịch đáng ngờ phải rà soát đối với các giao dịch theo danh sách đen, danh sách cảnh báo liên quan đến rửa tiền và tài trợ khủng bố nên chưa áp dụng biện pháp tạm thời theo

quy định tại Điều 33, 34 Luật PCRT, Điều 34 Luật PCKB và Điều 22, 23 Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 04/10/2013 của Chính phủ, khoản 1 Điều 8 Nghị định số 122/2013/NĐ-CP ngày 11/10/2013 của Chính phủ.

8. Công tác đào tạo về PCRT và tài trợ khủng bố

Tại SHB, công tác đào tạo PCRT được áp dụng cho 02 đối tượng: i) tân tuyển; ii) toàn bộ cán bộ ngân hàng. Việc đào tạo được thực hiện bằng hình thức e-learning. Các cán bộ nhân viên phải thực hiện đào tạo và tham gia thi khóa học đào tạo PCRT.

** Đào tạo hàng năm*

Hàng năm, SHB tổ chức khóa đào tạo cho toàn bộ cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống. Từ năm 2023, SHB đã đặc biệt xây dựng 3 bộ chương trình đào tạo riêng cho các đối tượng: Bộ phận Dịch vụ khách hàng toàn hệ thống; Bộ phận Khách hàng doanh nghiệp và Thanh toán quốc tế; Toàn bộ các cán bộ nhân viên còn lại.

** Đào tạo tân tuyển:*

SHB còn có lớp học tân tuyển về nghiệp vụ trước khi trở thành nhân viên chính thức, trong đó phòng chống rửa tiền là một môn có giáo trình và có bài kiểm tra đánh giá khi kết thúc khóa đào tạo. Mọi cán bộ tân tuyển sẽ phải hoàn thành, bao gồm cả đào tạo và thi khóa đào tạo PCRT trong vòng 6 tháng kể từ khi gia nhập SHB.

PHẦN III

NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN

Nhìn chung trong thời kỳ thanh tra, hoạt động cho vay của SHB Đồng Nai đạt được những kết quả nhất định trong bối cảnh nền kinh tế - xã hội chịu ảnh hưởng nặng nề của các làn sóng dịch bệnh Covid-19 từ đầu năm 2020 đến năm 2022, có sự tăng trưởng tương đối tốt, chất lượng tín dụng được kiểm soát hiệu quả, có những nỗ lực nhất định trong việc hỗ trợ, đồng hành cùng khách hàng vượt qua những khó khăn, ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và thực hiện cơ cấu khách hàng khó khăn theo quy định Thông tư số 02/2023/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Công tác phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố thực hiện theo quy định, trong năm 2023 ảnh hưởng bởi xung đột chính trị thế giới, lạm phát... tình hình nợ quá hạn, nợ xấu có chiều hướng tăng nhưng kết quả kinh doanh vẫn đạt hiệu quả tương đương so với năm trước. Bên cạnh những mặt đạt được, SHB Đồng Nai cũng còn một số tồn tại, vi phạm cần được chấn chỉnh, khắc phục và một số mặt cần được cải thiện, cụ thể:

1. Công tác thẩm định, xét duyệt cho vay chưa chặt chẽ, chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định nội bộ đối với 38 khách hàng (55 HĐTD) với tổng dư nợ thời điểm 31/12/2023 là 453.885 triệu đồng (chi tiết nêu tại điểm 3.1 Phần II Kết quả kiểm tra - xác minh và Phụ lục 01 đính kèm).

2. Thực hiện cho vay nhưng chưa thu thập, bổ sung hồ sơ vay vốn đầy đủ theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định nội bộ của SHB đối với 14 khách

hàng (26 HĐTD) với tổng dư nợ thời điểm 31/12/2023 là 288.893 triệu đồng (chi tiết nêu tại điểm 3.3 Phần II Kết quả kiểm tra xác minh).

3. Công tác kiểm tra, giám sát vốn vay chưa thực hiện đầy đủ, chặt chẽ, chính xác theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN Việt Nam và Quy định nội bộ của SHB đối với 48 khách hàng (72 HĐTD) với tổng dư nợ thời điểm 31/12/2023 là 617.946 triệu đồng (chi tiết nêu tại điểm 3.2 Phần II Kết quả kiểm tra xác minh và Phụ lục 02 đính kèm).

4. Nhận tài sản đảm bảo nhưng chưa ký hợp đồng sửa đổi/phụ lục hợp đồng và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký biện pháp đảm bảo đã đăng ký trong trường hợp khách hàng rút bớt tài sản tức nghĩa vụ bảo đảm thay đổi là chưa đúng theo quy định tại Điều 18, Điều 43 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm đối với 02 khách hàng với dư nợ 9.336 triệu đồng và 01 khách hàng dư nợ 1.768 triệu đồng tài sản đảm bảo không được đánh giá lại theo quy định để tính toán trích lập dự phòng rủi ro.

5. Thực hiện phân loại nợ không đúng quy định Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/07/2021 đối với 10 khách hàng, dư nợ 269.043 triệu đồng (chi tiết nêu tại điểm 3.5 Phần II Kết quả kiểm tra xác minh).

6. Thực hiện cơ cấu nợ nhưng chưa thu thập đầy đủ các tài liệu chứng minh hoạt động kinh doanh giảm sút; chưa thẩm định, đánh giá chặt chẽ chi tiết hoạt động sản xuất kinh doanh trước và sau khi cơ cấu nợ để làm cơ sở tin cậy xác định khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại là chưa đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 (đã được sửa đổi bởi Thông tư số 03/2021/TT-NHNN và Thông tư số 14/TT-NHNN) đối với 04 khách hàng, dư nợ 80.530 triệu đồng và 01 khách hàng, dư nợ 18.000 triệu đồng khi thực hiện cơ cấu đánh giá khả năng thu hồi nợ từ nguồn lợi nhuận của Công ty do khách hàng làm đại diện pháp nhân nhưng chưa xem xét các tài liệu đầy đủ về hoạt động kinh doanh và chưa có biện pháp/giải pháp cụ thể để đảm bảo thu hồi nợ sau thời gian cơ cấu.

7. Công tác xử lý nợ có vấn đề sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng và thu hồi nợ ngoại bảng sau khi xử lý rủi ro chưa đầy đủ theo quy định nội bộ số 387/2023/QĐ-HĐQT ngày 23/11/2023 đối với 01 khách hàng, dư nợ 2.814 triệu đồng.

8. Cảnh báo rủi ro: Thực hiện cảnh báo rủi ro đối với các khách hàng hoạt động kinh doanh mặt hàng dễ phát sinh cháy nổ nhưng không đảm bảo điều kiện về phòng cháy chữa cháy; hoạt động thanh toán chủ yếu tiền mặt không đầy đủ chứng từ tài liệu tin cậy; các tài liệu làm căn cứ trong quá trình thẩm định chưa đầy đủ cơ sở để đánh giá tài chính và phương án thực hiện khả thi nhưng đơn vị kinh doanh phê duyệt cấp tín dụng cho khách hàng không thực hiện hoặc không có biện pháp hạn chế rủi ro nhằm xử lý kịp thời hoặc điều chỉnh hạn mức cấp tín dụng phù hợp... (chi tiết nêu tại điểm 3.7 Phần II Kết quả kiểm tra xác minh).

PHẦN IV

KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh và kết luận nêu trên, Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai kiến nghị các biện pháp xử lý:

1. Kiến nghị đối với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.

(1) Theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo SHB Đồng Nai chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, vi phạm được nêu tại Phần II - Kết quả kiểm tra, xác minh. Thời gian thực hiện: 03 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

(2) Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại SHB Đồng Nai nhằm phát hiện những vi phạm để chấn chỉnh kịp thời, hạn chế những thiếu sót, tồn tại có thể phát sinh trong quá trình hoạt động và việc chấp hành quy định nội bộ trong phân cấp phân quyền phê duyệt tín dụng tại SHB Đồng Nai đảm bảo việc xét duyệt và phán quyết tín dụng trong chuẩn mực và tuân thủ đúng theo quy định.

(3) Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa Phòng Thẩm định và Phòng Khách hàng, Cấp phê duyệt để đảm bảo kiểm soát được rủi ro trong hoạt động và hiệu quả trong kinh doanh.

(4) Thực hiện kiểm điểm trách nhiệm cá nhân thuộc Hội sở quản lý khi xét duyệt các khoản vay trong quá trình thẩm định đã nêu ra những dấu hiệu rủi ro, cảnh báo nhưng Chi nhánh không có các biện pháp xử lý vẫn duy trì cấp tín dụng dẫn đến nợ quá hạn và những cá nhân có liên quan đến hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng.

2. Kiến nghị đối với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội Chi nhánh Đồng Nai.

Yêu cầu Giám đốc SHB Đồng Nai rà soát toàn bộ những sai phạm, thiếu sót đã nêu tại Phần II Kết quả kiểm tra, xác minh để chỉnh sửa, khắc phục kịp thời. Đồng thời phải có biện pháp khắc phục, thực hiện một số nội dung sau:

(1). Thực hiện rút kinh nghiệm, chấn chỉnh công tác thẩm định, nâng cao kỹ năng, chất lượng công tác thẩm định trước khi cho vay, chú trọng thẩm định tính khả thi của phương án vay vốn, số liệu tài chính và nguồn trả nợ từ khách hàng phải đảm bảo các căn cứ, cơ sở tính toán, tính xác thực về những tồn tại, vi phạm trong công tác thẩm định đối với 38 khách hàng (55 HĐTĐ) với tổng dư nợ thời điểm 31/12/2023 là 453.885 triệu đồng nêu tại điểm 3.1 Phần II - Kết quả kiểm tra, xác minh. Thời gian thực hiện: 03 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

(2). Yêu cầu SHB Đồng Nai nâng cao chất lượng và tổ chức thực hiện kiểm tra chặt chẽ trước, trong và sau khi cho vay theo đúng quy định; Biên bản kiểm tra phải đánh giá được cụ thể tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của khách hàng, thu thập chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay, nguồn trả nợ và tài sản đảm bảo. Khắc phục, chỉnh sửa những tồn tại, sai phạm về công tác kiểm tra, giám sát vốn vay đối với 48 khách hàng (72 HĐTĐ) với tổng dư nợ



thời điểm 31/12/2023 là 617.946 triệu đồng (trừ những khách hàng nợ xấu, chuyển sang bộ phận xử lý nợ) đã nêu chi tiết tại 3.2 Phần II - Kết quả kiểm tra, xác minh. Thời gian thực hiện: 03 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

(3). SHB Đồng Nai chấn chỉnh công tác thu thập hồ sơ vay vốn theo đúng quy định nội bộ. Thực hiện bổ sung hồ sơ vay vốn đầy đủ theo đúng quy định đối với 14 khách hàng (26 HĐTD) với tổng dư nợ thời điểm 31/12/2023 là 288.893 triệu đồng (trừ những khách hàng nợ xấu, chuyển sang bộ phận xử lý nợ) đã nêu chi tiết tại 3.3 Phần II - Kết quả kiểm tra, xác minh. Thời gian thực hiện: 03 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

(4) Thu hồi trước hạn đối với khoản vay sử dụng vốn sai mục đích của khách hàng Nguyễn Văn Phương, số tiền 2.800 triệu đồng được nêu tại phần sai phạm về kiểm tra sử dụng vốn vay (Phụ lục 2). Thời gian thực hiện : 03 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

(5) Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thay đổi nội dung đăng ký biện pháp đảm bảo đã đăng ký theo quy định đối với 02 khách hàng với dư nợ 9.336 triệu đồng và đánh giá lại tài sản đảm bảo theo quy định để tính toán trích lập dự phòng rủi ro đối với 01 khách hàng, dư nợ 1.768 triệu đồng được nêu tại 3.4 Phần II - Kết quả kiểm tra, xác minh. Thời gian thực hiện: 03 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

(6). Yêu cầu SHB Đồng Nai chấm dứt hành vi vi phạm về phân loại tài sản có không đúng quy định của pháp luật đối với 10 khách hàng, dư nợ 269.043 triệu đồng, thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro đúng quy định (chi tiết nêu tại điểm 3.5 Phần II Kết quả kiểm tra xác minh và Biểu12 đính kèm) đồng thời rà soát đối với các khoản vay chưa được thanh tra để điều chỉnh kịp thời đúng theo quy định. Thời gian thực hiện theo yêu cầu tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 834/QĐ-XPHC ngày 04/6/2024 của Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát Ngân hàng II.

(7). Thực hiện rút kinh nghiệm, chấn chỉnh công tác thực hiện cơ cấu nợ đảm bảo đánh giá chặt chẽ phương án cơ cấu nợ, khả năng trả nợ của khách hàng sau cơ cấu nhằm đem lại hiệu quả thu hồi vốn sau thời gian cơ cấu các khoản vay.

(8). Rà soát, đánh giá chất lượng tín dụng các khoản vay không thống nhất về ý kiến đề xuất giữa Phòng thẩm định và quyết định cho vay của người phê duyệt, tăng cường kiểm tra, kiểm soát sau vay và có các biện pháp can thiệp kịp thời trong trường hợp khoản vay phát sinh dấu hiệu rủi ro. Yêu cầu bổ sung chứng từ/tài liệu nhằm khắc phục yếu tố rủi ro do Phòng thẩm định đã nêu hoặc có giải pháp áp dụng các điều kiện phê duyệt tín dụng bổ sung phù hợp với thực trạng của khoản vay nhằm kiểm soát rủi ro trong cho vay.

(9). Yêu cầu Giám đốc SHB Đồng Nai tiến hành họp kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với những tồn tại, vi phạm được nêu tại Kết luận thanh tra. Thời gian thực hiện: 01 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra. Đồng thời kiểm điểm trách nhiệm các cá nhân, tập thể có liên quan trong việc thực hiện cấp tín

dụng chưa đúng quy định và thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ ngân hàng được nêu tại Phần II Kết quả kiểm tra, xác minh.

(10). **Khuyến nghị:**

SHB Đồng Nai cần tăng cường tần suất kiểm tra, giám sát chặt chẽ khoản vay, đánh giá lại tình hình hoạt động kinh doanh, đảm bảo việc sử dụng vốn của khách hàng đúng mục đích; dòng tiền hoạt động kinh doanh/trả nợ; các điều kiện cam kết cấp tín dụng; tài sản đảm bảo theo phương pháp thận trọng, đánh giá đúng giá trị thực của tài sản ... đối với các khách hàng như đã nêu tại điểm 3.7 Phần II - Kết quả kiểm tra, xác minh để sớm nhận diện được các rủi ro và có ứng xử tín dụng phù hợp, đảm bảo an toàn và hiệu quả hoạt động ngân hàng.

Đề nghị SHB Đồng Nai tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, những mặt làm tốt, có hiệu quả liên quan đến nội dung thanh tra. Đồng thời tự kiểm tra, rà soát đối với các nội dung/hồ sơ chưa được thanh tra; thường xuyên kiểm tra, giám sát, theo dõi tình hình tài chính của khách hàng để có các giải pháp kịp thời trong trường hợp khách hàng suy giảm khả năng trả nợ; tăng cường công tác hậu kiểm đối với mọi khâu của các quy trình/nghiệp vụ để kịp thời phát hiện các dấu hiệu rủi ro và có biện pháp chấn chỉnh kịp thời.

Yêu cầu Giám đốc SHB Đồng Nai tổ chức thực hiện các kiến nghị theo đúng thời hạn nêu trên. Báo cáo kết quả thực hiện việc chấn chỉnh sau thanh tra gửi về Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai định kỳ trước ngày 05 hàng tháng cho đến khi hoàn tất việc thực hiện các kiến nghị được nêu tại Kết luận thanh tra.

Kết luận thanh tra gồm 37 trang và đính kèm 02 mẫu biểu, 02 Phụ lục do Đoàn thanh tra lập, là một bộ phận không tách rời Kết luận thanh tra, được gửi tới các nơi nhận dưới đây. /

**KT.CHÁNH THANH TRA, GIÁM SÁT NGÂN HÀNG
PHÓ CHÁNH THANH TRA, GIÁM SÁT PHỤ TRÁCH**



Phan Thị Hà

Nơi nhận:

- SHB Đồng Nai (để thực hiện);
- SHB (để chỉ đạo);
- Giám đốc NHNN (để báo cáo);
- Cơ quan TTGSNH (để báo cáo);
- TTGS Chi nhánh (để theo dõi);
- Lưu: VT; TTGS; HSTT.

Đính kèm:

- Biểu 08-Tổng hợp vi phạm về hoạt động cấp tín dụng;
- Biểu 12 - TH trích lập DPRR;
- Phụ lục 01; Phụ lục 02.

